3.1b THÁNH NHÂN KÝ SỰ (Apadāna) - C. Trưởng Lão Ký Sự - Phần Thứ Nhất (Phẩm XI-XIX)

Kinh Tiểu Bộ - Tập 5 (VNC PHVN, 2021)

128 KINH TIẾU Bộ

XL PHẨM BHIKKHÃDẢYĨ (BHIKKHĀDĀYĪVAGGO)

101. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHIKKHẢDÃYAKA (Bhikkhãdãyakattherãpadãnam) 1611. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, VỊ Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, trong khi đi ra khỏi khu rừng bao la, Ngài đã đạt đến Niết-bàn, lìa khỏi tham ái. 1612. Tôi đã dâng lên một muỗng thức ăn đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, đấng Đại Hùng, bậc Trí Tuệ đã được an tịnh như thế ấy. 1613. Trong lúc đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời đang giúp cho đám đông dân chúng đang tiếp bước theo sau được thành tựu Niết-bàn, có niềm hạnh phúc cao thượng đã sanh khởi đen tôi. 1614. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng thức ăn. 1615. Trước đây tám mươi bảy kiêp? chính bảy vị có tên Mahārenu là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật. 1616. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhikkhādāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Bhỉkkhãdâyaka" là phần thứ nhất

102. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ÑĀNASAÑÑAKA (Ñānasaññakattherāpadānam) 1617. Đức Phật, bậc Đại Ẩn Sĩ có màu da vàng chói như là loài bò mộng thuần chủng, tợ như giống voi mātañga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi. 1618. Tôi đã nhìn thấy bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian đang bước đi ở trên đường, đang chiếu sáng tất cả các phương tợ như mặt trăng đã được tròn đầy. 1619. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở trí tuệ [của Ngài], tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ đấng Siddhartha với tâm tịnh tín, với ý vui mừng. 1620. Ke từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về trí tuệ [của đức Phật]. J 1621. Trước đây bảy mươi ba kiếp, mười sáu vị đứng đầu nhân loại đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

THÁNH NHÂN KÝ sự 129

1622. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ñānasañña1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Ñānasaflña^ là phần thứ nhì.

103. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UPPALAHATTHI (Uppaỉahatthittherãpadãnam) 1623. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa cư ngụ ở [thành phố] Tivarâ. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha. 1624-25. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng bó bông hoa. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra, tôi đều được thọ hưởng quả báo tăng trưởng của việc đã được thực hiện tốt đẹp của mình trước dây, tôi được vây quanh bởi những người tốt của xứ Mallā; điều này là quả báo của việc dâng cúng đức Phật. 1626. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông

hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 1627. Xét đến chín mươi bốn [kiếp] trừ ra thời hiện tại, ở tại nơi ấy đã có năm trăm vị vua tên là Najjūpama. 1628. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão uppalahatthiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Uppalahatthiya" là phần thứ ba.

104. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADAPŪJAKA (Padapūjakattherāpadānani) 1629. Tôi đã dâng cúng bông hoa nhài đến đức Thế Tôn Siddhartha. Tôi đã đặt xuống bảy bông hoa ở hai bàn chân [của Ngài] với sự mừng rỡ. 1630. Do việc làm ấy, giờ đây tôi vượt trội nhân loại và chư thiên. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 1631. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 1632. Trước đây vào kiếp thứ năm đã có mười ba đấng Chuyển Luân Vương tên Samantagandha là các vị thống lãnh dân chúng [chinh phục] bốn phương. 1633. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.*

Ñānasaññaka nghĩa là uvị suy tưởng (saññakā) về trí tuệ (nānā) của đức Phát."

130 KINH TIỂU Bộ

Đại đức Trưởng lão Padapūjaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Padapūjaka" là phần thứ tư.

105. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MUTTHIPUPPHIYA (Mutthipupphiyattherāpadānam) 1634. Lúc bấy giơ, tôi đã là người làm tràng hoa tên Sudassana. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. 1635. Tôi đã cầm lấy bông hoa nhài và đã cúng dường đến [đức Phật] Padumuttara. Có nhãn quan trong sạch, có thiện ý, tôi đã chứng đắc thiên nhãn. 1636. Do sự cúng dường bông hoa này và do các nguyện lực của tâm, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 1637. Trước đây ba mươi sáu kiếp đã có mười sáu vị vua tên Devuttara là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1638. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mutthipupphiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Mutthipupphiya55 là phần thứ năm.

106. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UDAKAPŪJAKA (Udakapũịakattherãpadãnam) 1639. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, chói sáng I±ư là ngọn lửa từ bơ lỏng, cháy rực như là ngọn lửa tế thần, đang di chuyển bằng đường không trung. 1640. Tôi đã dùng bàn tay múc nước và đã hắt lên không trung. Đấng Đại Hùng, đức Phật, đấng Bi Man, bậc Ẩn Sĩ đã tiếp nhận. 1641. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư tên Padumuttara đứng ở trên không trung đã nói lên lời kệ này: 1642. “Do sự dâng cúng nước này và do sự sanh khởi niềm phỉ lạc, [người ấy] không bi sanh vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp." 1643. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đang Nhân Ngưu, sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã

đạt được VỊ thế bất động. 1644. [Trước đây] sáu ngàn năm trăm kiếp, ba đấng Chuyển Luân Vương tên Sahassarāja ấy đã là các vị thống lãnh dân chúng [chinh phục] bốn phương. 1645. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

2 Padapūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pūjaka) ở bàn chân (pada)y 3 Mutthipupphiya nghĩa là t4vị liên quan đến số bông hoa (puppha) ở nắm tay (mutthī)y

Đại đức Trưởng lão Udakapūjaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Udakapūjaka" là phần thứ sáu.

107. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NALAMÃLIYA (Nalamāliyattherāpadānam) 1646. Đức Phật Padumuttara, đấn^ Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, bậc An Tinh như thế ấy đã ngồi xuống ở tấm thảm cỏ. 1647. Sau khi cầm lấy tràng hoa sậy và buộc lại thành chiếc quạt, tôi đã dâng đến đức Phật, đấng Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 1648. Đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã thọ nhận chiếc quạt. Sau khi biết được ý định của tôi, Ngài đã nói lên lời kệ này: 1649. "Giống như thân thể của Ta được mát mẻ, sự bực bội không được biết đến, tương tợ y như thế, mong rằng tâm ngươi được giải thoát khỏi ba loại lửa?9 1650. Tất cả chư thiên là những vị sống nương tựa vào khu rừng đã hội tụ lại. Chúng tôi lắng nghe lời dạy của đức Phật là điều làm cho người thí chủ được hoan hỷ. 1651. Ngồi xuống tại nơi ấy ở phía trước hội chúng Tỳ-khiru, đức Thế Tôn, trong lúc làm cho thí chủ được hoan hỷ5 đã nói lên những lời kệ này: 1652. "Do sự dâng cúng chiếc quạt này và do các nguyện lực của tâm, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương có tên là Subbata. 1653. Nhờ vào phân dư sót của nghiệp ây, được thúc đây bởi nhân tô trong sạch, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương có tên là Mâluta. 1654. Do sự dâng cúng chiêc quạt này và do tính chát đây đủ của việc tôn kính, [người này] không đi đến khô cảnh trong một trăm ngàn kiếp." 1655. [Trước đây] ba mươi ngàn kiếp, ba mươi tám vị ấy tên là Subbata. [Trước đây] hai mươi chín ngàn kiếp, [đã có] tám vị tên là Măluta. 1656. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão NaỊamâliya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trường lão Nalamāliya^ là phần thứ bảy. (Tụng phẩm thứ bảy được chấm dứt).

108. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀSANŪPATTHĀPAKA (Āsanūpatthāpakattherāpadānam) 1657. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng rậm ít tiêng động, không bị náo loạn, tôi đã dâng cúng bảo tọa sư tử đến [đức Phật] Atthadassī như thế áy.

4 ưdakapĩịiaka nghĩa là uvị cúng dường (pũịakă) nước (udakā). 5 NaỊamãliya nghĩa là "vi liên quan đến tràng hoa (mala) sậy (ncựa)'

1658. Tôi đa câm lây một năm tràng hoa và đã đi nhiêu quanh Ngài. Sau khi phục vụ bậc Đạo sư, tôi đã ra di, mặt hướng phía Bắc. 1659. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tôi đã tự thân đạt

được Niết-bàn, tất cả các hữu đã được xóa sạch. 1660. Ke từ khi toi đã dâng cúng vật thí trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bảo tọa sư tử. 1661. Trước đây bảy trăm kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ Sannibbâpaka, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1662. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Āsanūpatthāpaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Āsanūpatthāpaka" là phần thứ tám.

109. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BILẢLIDÃYAKA (Bilālidāyakattherāpadānam) 1663. Tôi sống trên tấm thảm bằng lá ở không xa núi Hy-mã-lạp. Khi ấy, tôi đạt được sự ham thích các loại cỏ và có thói quen nằm ngủ [ở thảm lá]. 1664. Sau khi mang lại và sửa soạn [các] trái táo, trái bhallâtaka và trái billa, tôi đào xới các loại rễ củ kalamba, bilālī và takkala. 1665. Sau khi biết được ý định của toi, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã đi đến khu vực của tôi. 1666. Khi bậc Long Tượng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đi đến, tôi đã dâng lên củ bilālī va đã đặt vào trong bình bát. 1667. Khi ấy, trong lúc làm cho tôi được hoan hỷ5 bậc Đại Hùng đã thọ dụng. Sau khi thọ dụng, đấng Toàn Tri đã nói lên lời kệ này: 1668. "Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, ngươi đã dâng cúng củ bilālī đến Ta, ngươi không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp." 1669. Trước đây năm mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vi tên Sumekhaliya, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1670. [Đây] là lân cuôi cùng của tôi trong sự luân chuyên, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 1671. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

6 Āsanūpatthāpaka nghĩa là thiết lập (upatthāpaka) bảo tọa (āsanā) sư tử."

Đại đức Trưởng lão Bilālidāyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão BiỊãlidãyaka" là phần thứ chín.

110. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RENUPŪJAKA (Renupūfakattherāpadānam) 1672. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói tợ như mặt trời có trăm tia ánh sáng, đang làm cho tất cả các phương rực sáng tợ như mặt trâng đã được tròn đầy. 1673. Ngài được vây quanh bởi các vị Thinh văn tợ như quả đất được bao quanh bởi các biển cả. Tôi đã cầm lấy bông hoa nāgā và đã dâng các bột phấn hoa đến [đức Phật] Vipassī. 1674. [Ke từ khi] tôi đã dang lên bột phấn hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1675. Trước đây bốn mươi lăm kiếp, tôi đã là vi Sát-đế-lỵ tên Renu? là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1676. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)..tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Renupūjaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Renupūjaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vi dâng cúng thức ăn, vi suy tưởng về trí tuệ, vi liên quan đến bó [bông hoa], vị cúng dường bàn chân, vị liên quan đến nắm bông hoa, vị dâng cúng nước, vị có tràng hoa sậy, vi phục vụ, vị dâng cúng củ bilālī và vị dâng cúng phấn hoa; [tổng cộng] có sáu mươi sáu câu kệ. Phẩm BhikkhãdâyT là phẩm thứ mười một

7 BỈỊâlidâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) trái cây bi]li." 8 Renupūjaka nghĩa là cúng dường (pũjakà) bột phấn hoa (renu)y

xn. PHẨM MAHÃPARIVÃRA (MAHĀPARIVĀRAVAGGO)

111. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAHẢPARIVẢRA (Mahāparivārattherāpadānam) 1677. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngiru đã đi vào thành Bandhumā cùng với sáu mươi tám ngàn vị. 1678. Sau khi rời khỏi thành phố, tôi đã đi đến ngôi bảo tháp ở trên đảo. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. 1679. Có tám mươi bốn ngàn dạ-xoa ở lân cận [đã] phục vụ tôi một cách cung kính, tợ như các tập thể chư thiên [phục vụ] vị thần Inda. 1680. Khi ấy, tôi đã đi ra khỏi cung điện và đã cầm lấy tấm vải. Tôi đã đê đầu đảnh lễ và đã dâng cúng đến bậc Đại Ân Sĩ. 168L "Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! ôi sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Do nhờ năng lực của đức Phật, quả đất này đã rung dOng." 1682. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, tôi đã làm cho tâm được tinh tín vào đức Phật, đấng Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 1683. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín vả đã dâng cúng tấm vải đến bậc Đạo su, tôi đây cùng với các quan lại và đám tùy tùng đã đi đên nương nhờ [đưc Phật]. • 1684. Ke từ Idii tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1685. Trước đây mười lăm kiếp đã có mười sáu vi tên Suvâhana, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1686. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mahāparivāra1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Mahāparivāraw là phần thứ nhất

112. KÝ SựVÈ TRƯỞNG LÃO SUMAÑGALA(Sumañgalattherāpadānam) 1687. Đấng Chiến Thắng Cao Quý Atthadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu sau khi rời khỏi trú xá đã đi đến hồ nước.

1 Mahãparivãra nghĩa là có đoàn tùy tùng {parivārā) đông đảo (mahã)y

1688. Sau khi tắm và uống nước, bậc Toàn Giác, đức Thế Tôn đã khoác lên một tấm y rồi đã đứng ở tại nơi ấy, quan sát khắp các phương. 1689. Tôi đã đi vào cung điện và đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ khi ấy tôi đã vỗ tay. 1690. Đức Phật đang chói sáng tợ như mặt trời, đang tỏa sáng tợ như khối vàng. Tôi đã ra sức trong điệu vũ lời ca và năm loại nhạc khí [cúng dường Ngài]. 1691. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi vượt trội tất

cả chúng sanh, danh tiếng của tôi là rộng khắp. 1692. “Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch bậc Hiền Trí, sau khi làm cho bản thân được hoan hỷ, Ngài đã làm cho những người khác được hoan hỷy 1693. Sau khi xem xét rồi ngồi xuống, sau khi đã tạo niềm vui ở bậc có sự hành trì tốt đẹp, sau khi phục vụ đấng Toàn Giác, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất. 1694. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp đã có hai rồi chín vị cùng tên Ekacintita, là các đang Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật? có oai lực lớn lao. 1695. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sumañgala đã nói lên những lời kệ này như the ấy. 46Ký sự về Trưởng lão Sumañgala" là phần thứ nhì.

113. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA (Saranagamaniyattherāpadānafn) 1696. Cuộc giao chiến giữa hai vị Thiên vương đang diễn tiến đã trở nên hỗn độn, tiếng kêu la ầm ĩ đã vang lên. 1697. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đạo Sư đứng ở không trung đã làm cho đám đông người bi dao động. 1698. Tất cả chư thiên mừng rỡ, buông bỏ áo giáp và vũ khí, liền khi ấy đã đảnh lễ đấng Toàn Giác rồi ngồi xuống, có sự chăm chú. 1699. Biêt được ý định của chúnệ tôi, Ngài đã cát cao giọng nói. Là bậc có lòng thương xót, đấng Hiểu Biết Thế Gian đã giúp cho đám đông dân chúng thành tựu Niet-ban: 1700. "Người có tâm sân hận hãm hại một mạng sông, do sự sân hận ây của tâm [người này] sanh vào địa ngục. 1701. Ví như con voi đối đầu trong chiến trận hãm hại nhiều mạng người, các ngươi hãy làm tâm của mình được tinh lặng, chớ có giết hại lần này lần khac?9 1702. Ngay cả các binh đội của hai vị vua dạ-xoa cũng đã bị kinh ngạc. Và họ đã đi đến nương nhờ đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian hoàn thiện như thế ấy.

136 KINH TIỂU BỒ

1703. Bậc Hữu Nhãn đã khiến cho dân chúng suy tưởng, hơn nữa còn tiếp độ họ. Ngay trong khi đang cùng với chư thiên xem xét, Ngài đã ra đi mặt hướng phía Bắc. 1704. [Đây là] lần đầu tiên tôi đã đi đến nương nhờ đấng Chúa Te Của Loài Người như thê ây, tôi đã không đi đên khô cảnh trong một trăm ngàn kiêp. 1705. [Trước đây] ba mươi ngàn kiếp, mười sáu vị vua lãnh đạo chiến xa tên Mahãdundubhi đã là các đấng Chuyển Luân Vương. 1706. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saranagamanīya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão SaraọagamaiìTya" là phần thứ ba.

114. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKĀSANIYA (Ekāsaniyattherāpadānam) 1707. Lúc bấy giờ, tôi đã là vi Thiên vương ten Varuna. Có binh lực và phương tiện di chuyển xứng đáng, tôi đã phục vụ đấng Toàn Giác. 1708. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhan Atthadassī đã Niết-bàn5 tôi đã cầm lấy tất cả các nhạc cụ và đã đi đến cội Bồ-đề tối thượng. 1709. Tôi đã phối hợp [âm thanh của] chũm chọe vào lời ca và điệu vũ, tôi đã phục vụ cội Bồ-đề tối thượng tợ như [phục vụ] bậc Toàn Giác đang ở trước mặt. 1710. Sau khi phục vụ cội Bồ-đề ấy là loài thảo mộc mọc ở trên trái đất, tôi đã xếp chân vào thế kiết-già và đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 1711. Được hài lòng với nghiệp của minh,

tôi đã được tịnh tín đối với cội Bồ-đề tối thượng. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi Hóa Lạc thiên. 1712. Trong khi luân chuyển ở cõi này cõi khác ở giữa loài người và ở giữa chư thiên, có sáu mươi ngàn nhạc cụ luôn luôn vây quanh tôi. 1713. Trước đây năm trăm kiếp đã có ba mươi bốn vị Sát-đế-lỵ tên là Subâhu, [các vi ấy] đã được thành tựu bảy loại báu vật. 1714. Đối với tôi, ba loại lửa đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuôi cùng ở giáo pháp của đang Chánh Đăng Giác. 1715. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekâsaniya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ekãsaniya^ là phần thứ tư.

2 Saranagamarūya nghĩa là t4vị liên quan việc đi đến (gamanà) nương nhờ (saranà), tức là đã quy y." 3 Ekãsanỉya nghĩa là €Ếvị liên quan đến một (ekā) chỗ ngồi (ãsanà)y

115. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUVANNAPUPPHIYA (Suvannapupphiyattherāpadānam) 1716. Đức Thế Ton tên Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, đang ngồi thuyết giảng đạo lộ bất tử cho tập thể dân chúng. 1717. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, là đấng Chúa Te Của Loài Người như thế ấy, tôi đã dâng lên đức Phật bốn bông hoa bằng vàng. 1718. Khi ấy, đã có mái che bằng vàng [che] khắp cả hội chúng. Hào quang của đức Phật và vẻ sáng của vàng đã là nguồn ánh sáng bao la. 1719. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã là nguồn sanh lên niềm hạnh phúc, là sự đưa đến an lạc trong thời hiện tại cho những người ấy. 1720. Sau khi thỉnh cầu bậc Toàn Giác và đảnh lễ bậc có sự hành trì tốt đẹp, sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã đi về chỗ trú ngụ của mình. 1721. Bước vào chỗ ngụ, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất. 1722. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1723. Trước đây bốn mươi ba kiếp đã có mười sáu vị vua tên Nemisammata, là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1724. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Suvannapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Suvannapupphiya55 là phần thứ năm.

116. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CITAKAPUJAKA (Citakapūjakattherāpadānam) 1725. Tôi cư ngụ ở cội cây rājāyatana cùng với các quan lại và đám tùy tùng. Khi ấy, đức Thế Tôn Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian, viên tịch Niết-bàn. 1726. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đi đến nơi hỏa táng. Tại nơi ấy, sau khi trình tấu nhạc cụ, tôi đã đặt xuống vật thơm và tràng hoa. 1727. Sau khi cúng dường ở giàn hỏa thiêu, tôi đã đảnh lễ nơi hỏa táng. Tôi đã đi về chỗ trú ngụ của mình, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng. 1728-29. Bước vào chỗ ngụ, tôi đã tưởng nhớ đến sự cúng dường lễ hỏa táng. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng

4 Suvannapupphiya nghĩa là uvị liên quan đến đóa hoa (puppha) bằng vàng (suvanna)y

Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tôi đã thọ hưởng sự thành đạt ở giữa chư thiên và loài người. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vi thế bất động. 1730. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng. 1731. Trước đây hai mươi chín kiếp, mười sáu vị vua [có cùng] tên Uggata đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1732. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ sáu.

117. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA (Buddhasaññakattherāpadānam) 1733. Lúc bấy giơ, đấng Cao Cả Của Thế Gian Vipassī đã buông bỏ sự duy trì tuổi thọ. Quả địa cầu là trái đất có nước bao quanh đã rúng động. 1734. Vào lúc chấm dứt tuổi thọ của đức Phật, chỗ ngụ được lợp mái, được trải rộng, có tràng hoa khéo được trang hoàng của tôi cũng đã rúng động. 1735. Khi chỗ ngụ bị rung động, nỗi sợ hãi đã sanh khởi ở tôi. Việc đã xảy ra là do nguyên nhân gì? Nguồn ánh sáng bao la đã xuất hiện là do nguyên nhân gì? 1736. [Thiên vương] Vessavana đã đi đến nơi ấy và đã trấn an đám đông dân chúng rằng: "Không có điều lo ngại cho sanh mạng, các người hãy có sự chăm chu, bình tinh." 1737. "Oi đức Phật! Oi giáo pháp! ôi sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Trong khi điều ấy sanh khởi, quả địa cầu đã tự rúng d0ng?9 1738. Sau khi đã tán dương năng lực của đức Phật, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. Trong những kiếp còn lại, việc tốt lành đã được tôi thực hiện. 1739. Kê từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ây trước đây chín mươi môt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật. 1740. Trước đây mười bon kiếp, tôi đã là vi vua có sự huy hoàng tên Samita, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1741. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Buddhasañfiaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Buddhasañña ka" là phần thứ bảy. 5 Citakapūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pũịakà) lễ hỏa táng (citakà)' 6 Buddhasañña ka nghĩa là uvị suy tưởng (sañña ka) về đức Phật (buddhā)'

118. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAGGASAÑÑAKA (Maggasaññakattherāpadānam) 1742. Bị lạc lối ở trong khu rừng bạt ngàn, các vị Thinh văn có hạnh sống ở rừng của đức Phật Padumuttara đi quanh quẩn tợ như những người mù. 1743. Sau khi suy tưởng về bậc Toàn Giác danh hiệu Padumuttara, những người con trai ấy của bậc Hiền Trí ấy đã bị lạc lối ở trong khu rừng lớn. 1744. Từ chỗ ngụ, tôi đã bước xuốnệ và đã đi đến bên các vị Tỳ-khưu. Tôi đã chỉ đường và đã dâng cúng thức ăn đến các vị ấy. 1745. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 1746. Trước đây năm trăm kiếp, mười hai vị tên Sacakkhu đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật. 1747. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức

Trưởng lão Maggasañflaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Maggasañflaka" là phần thứ tám.

119. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PACCUPATTHĀNASAÑÑAKA (Paccupatthānasaññakattherapadānam) 1748. Lúc bấy giờ, ngay sau khi đấng Thiện Thệ Atthadassī tịch diệt, tôi đã sanh vào dòng giống dạ-xoa, và tôi đã đạt được danh tiếng. 1749. Đối với tôi, quả thật là khó được thành tựu, khó được chói sáng, khó được vươn lên, là việc đấng Hữu Nhãn đã Niết-bàn trong khi tôi đang tìm kiếm của cải. 1750. Vi Thinh văn tên Sâgara đã biết được ý định của tôi, có ý định tiếp độ tôi, vị ấy đã đi đến gần bên tôi [nói rằng]: 1751. "Điều gì khiến ngươi sầu muộn? Này người khôn ngoan, chớ lo ngại, ngươi hãy thực hành giáo pháp. Sự thành tựu về hạt giống [giác ngộ] đã được đưc Phật ban phát cho tất cả. 1752-53. Người cúng dường bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian [khi Ngài] đang còn tại tiền, và người cúng dường Xá-lợi của Ngài khi Ngài đã tịch diệt dầu chỉ nhỏ bằng hạt mù-tạt, khi niềm tịnh tín ở trong tâm là tương đương thì phước báu đạt được lớn lao là tương đương; vì thế, ngươi hãy cho xây dựng ngôi bảo tháp rồi hãy cúng dường các Xá-lợi của đấng Chiến Thng." 1754. Sau khi lăng nghe lời nói của vị Sâgara, tôi đã cho thực hiện ngôi bảo tháp của đức Phật. Tôi đã phục vụ ngôi bảo tháp tối thượng của bậc Hiền Trí năm năm.

7 Maggasañña nghĩa là suy tưởng (sañña) về con đường (jnaggà)y

1755. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, sau khi thọ hưởng sự thành đạt tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 1756. Và trước đây bảy trăm kiếp, bốn vi [cùng] tên Bhūripañfia đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1757. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Paccupatthānasañña8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Paccupatthānasafiña" là phần thứ chín.

120. KÝ SựVỀ TRƯỞNG LÃO JĀTIPŪJAKA (Jātipūjakattherāpadānam) 1758. Khi đấng Vipassī đang đản sanh, có nguồn ánh sáng bao la đã xuất hiện. Và quả địa cầu cùng với biển cả và núi non đã rúng động. 1759. Và các nha tiên tri đã dự báo rằng: :Bức Phật, bậc cao cả đối với tất cả chúng sanh, sẽ xuất hiện ở thế gian và sẽ tiếp độ dân chúng?9 1760. Sau khi nghe lời nói của các nhà tiên tri, tôi đã thực hiện việc cúng dường đản sanh. Không có sự cúng dường nào như là sự cúng dường đản sanh. 1761. Sau khi thực hành việc tốt lành, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Sau khi thực hiện việc cúng dường đản sanh, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 1762. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi vượt trội tất cả chúng sanh; điều này là quả báo của việc cúng dường đản sanh. 1763. Những người vú nuôi chăm sóc tôi thuận theo năng lực tâm của tôi, những người ấy không thể nào làm tôi nổi giận; điều này là quả báo của việc cúng dường đản sanh. 1764. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc cúng dường trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này

là quả báo của việc cúng dường đản sanh. 1765. Trước đây vào kiếp thứ ba, ba mươi bốn vi thống lãnh dân chúng [cùng] tên Supāricāriya đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1766. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Jātipūjaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Jātipūjaka" là phần thứ mười.

8 Paccupatthānasaññaka nghĩa là uvị suy tưởng {saññaka) về sự chăm sóc, phục vụ, hầu hạ (paccupatthāna)y 9 Jātipūjaka nghĩa là cúng dường (pŭịakă) bông hoa nhài (jătỉ)y

Phần tóm lược Vị có tùy tùng, vị Sumañgala, vị nương nhờ, vi có chỗ ngồi, vị dâng bông hoa, vị cúng dường lễ hỏa táng, vị suy tưởng về đức Phật, vị chỉ đường, vi có sự phục vụ, vị với sự đản sanh; [tổng cộng] có chín mươi câu kệ đã được nói lên và đã được tính đếm bởi các bậc trí. Phẩm Mahâparivãra là phẩm thứ mười hai.

142 KINH TIỂU Bộ

xm. PHẨM SEREYYAKA (SEREYĨAKAVAGGO)

121. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SEREYYAKA (Sereyyakattherãpadãnam) 1767. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ- đà, trong khi đang đứng ở ngoài trời, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 1768. Bậc Đại Ẩn Sĩ giống như là con sư tử đang đi lang thang ở trong rừng, tợ như con cọp chúa không có sự sợ hãi, tợ như giống voi mātañga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi. 1769. Tôi đã cầm lấy bông hoa sereyya và đã ném lên không trung. Do nhờ năng lực của đức Phật, [các bông hoa áy] quây quân ở khăp nơi. 1770. Bậc Đại Hùng, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã chú nguyện. Các mái che băng bông hoa ở xung quanh đã rải rác ở đang Nhân Ngưu. 1771. Kế đó, tấm màn bằng bông hoa ấy, có các cuống hoa ở phía trong và các vành hoa bên ngoài, đã trở thành mái che trong bảy ngày và sau đó đã biến mất. 1772. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, tôi đã làm cho tâm tịnh tín ở đức Phật, bậc Thiện Thệ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 1773. Do sự tinh tín ấy ở trong tâm, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 1774. [Trước đây] mười lăm ngàn kiếp, hai mươi lăm vị [cùng] tên Cittamālā ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1775. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sereyyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thê ây. wKý sự về Trưởng lão Sereyyaka55 là phần thứ nhất

122. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHATHŪPIYA (Pupphathūpiyattherāpadānam) 1776. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Kukkuta. ở trung tâm của ngọn núi ây có vị Bà-la-môn thông thạo vê chú thuật sinh sông.

Sereyyaka nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa sereyya.,,

1777. CÓ năm ngàn người học trò luôn luôn vây quanh tôi. Các vi ấy đã là những người [ngủ] thức dậy trước [tôi] và được tự tin vào các chú thuật. 1778. uHỡi người thầy của chúng con, đức Phật đã hiện khởi ở trên thế gian, xin thầy biết rõ về điều ấy. Đấng Chiến Thắng Cao Quý có ba mươi hai hảo tướng và tám mươi tướng phụ, có vầng hào quang tợ như mặt trời chiếu sang.59 1779. Sau khi lắng nghe lời nói của những người học trò, vị Bà-la-môn thông thạo vê chú thuật đã rời khu ân cư và hỏi những người học trò phương hướng vê khu vực mà đang Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Thê Gian cư ngụ. 1780. Tôi đã lễ bái phương hương ấy [hướng đến] đấng Chiến Thắng, bậc Không Người Đối Thủ. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tôi đã tôn vinh đức Như Lai ấy. 1781. "Này các đệ tử, hãy đến. Chúng ta sẽ đi và sẽ diện kiến đức Như Lai. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư, chúng ta sẽ lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng.” 1782. Tôi đã ra đi một mình và tôi đã lâm bệnh. Trong khi bị hành hạ bởi căn bệnh, tôi đã đi đến nhà nghỉ chân để nằm nghỉ. 1783. Sau khi triệu tập tất cả những người học trò lại, tôi đã hỏi họ về đức Như Lai: 6Đức độ cua đấng Bảo Hộ The Gian, bạc Có Sự Giác Ngộ Tuyệt Đối là như thế nào?” 1784. Được tôi hỏi, các vị ấy đã trả lời theo như đã nhìn thấy. Các vi đã mô tả đức Phật tối thượng ấy một cách kính trọng như Ngài đang ở trước mặt của tôi. 1785. Sau khi lắng nghe lời nói của họ, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bằng các bông hoa, tôi đã mệnh chung ơ tại nơi ây. 1786. Sau khi hỏa táng thi thể của tôi, các vị ấy đã đi đến gặp đức Phật. Họ đã chắp tay lên và đã đảnh lễ bậc Đạo Sư. 1787. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bang các bông hoa dành cho đức Thiện Thệ, bậc Đại Ản Si, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 1788. [Trước đây] bốn mươi bốn ngàn kiếp, mười sáu vi Sát-đế-lỵ [cùng] tên Aggisama đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1789. [Trước đây] hai mươi ngàn kiêp, ba mươi tám vị lãnh chúa [cùng] tên Ghatâsana đã là các đấng Chuyển Luân Vương. 1790. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pupphathũpiya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Pupphathũpiya^ là phần thứ nhì. 2 Pupphathũpiya nghĩa là 46vị liên quan đến ngôi bảo tháp (thũpo) bằng bông hoa (pupphă)y

144 KINH TIỂU BÔ

123. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PÃYÃSADẢYAKA (Pāyāsadāyakattherāpadūnam) 1791. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, có ba mươi hai hảo tướng dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đang đi ra khỏi khu rừng bao la. 1792. Có ý muôn dâng tặng vật hiên cúng, tôi đây đã chuân bị món cơm sữa ở trong cái đĩa kim loại vô cùng quý giá rồi đã đem dâng tặng bậc có năng lực. 1793. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã khéo léo bước lên con đường kinh hành ở bầu trời trên không trung. 1794. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, sau khi đặt chiếc đĩa kim loại xuống tôi đã đảnh lễ [đức Phật] Vipassī. 1795. “Bạch đấng Toàn Tri, Ngài là vị Trời ở [thế gian có cả] chư thiên cùng nhân loại. Bạch đấng Đại Hiền Trí, vì lòng thương tưởng xin Ngài hãy thọ nhãn/5 1796. Biết được ý định của tôi, đức Thế Tôn, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đạo Sư, bậc Đại Hiền Trí ở trên đời đã thọ nhận. 1797. Ke từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây

chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món cơm sữa. 1798. Trước đây bốn mươi mốt kiếp, tôi đã là vi Sát-đế-lỵ tên Buddhā, là đấng Chuyển Luân Vuông, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1799. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pāyāsadāyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Pãyãsadãyaka" là phần thứ ba.

124. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO GANDHODAKIYA (Gandhodakỉyattherãpadânam) 1800. Sau khi ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Vipassī, bậc Toàn Tri, người tiêu diệt sự tăm tối, tợ như cây kakudhā đang chói sáng. 1801. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian [đang] đi ở không xa tòa lâu đài. Hào quang của Ngài tỏa ra tợ như ánh sáng của mặt trời. 1802. Và tôi đã cầm lấy nước thơm rồi đã rải rắc vào đức Phật tối thượng. Với sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 1803. [Ke từ khi] tôi đã rải rắc nước thơm trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật

3 Pāyāsadāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako} món cơm sữa (pāyāsa)y

1804. Irước đây ba mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Sugandha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1805. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gandhodakiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Gandhodakỉya" ỉa phần thú* tư.

125. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAMMUKHÃTHAVIKA (Sammukhãthavikattherãpadãnam) 1806. Trong khi trấn an dân chúng, tôi đã giải thích về điềm báo hiệu khi vị Vipassī đang đản sanh rằng: "Bức Phật sẽ hiện khởi ở thế gian. 1807. Và vị nào trong khi đản sanh mười ngàn thế giới đã rúng động, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Su, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1808. Và vị nào trong khi đản sanh đã có nguôn ánh sáng bao la, vị ây giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Su, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1809. Và vị nào trong khi đản sanh các dòng sông đã ngimg chảy, vị ây giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư? đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1810. Và vị nào trong khi đản sanh ngọn lửa ở địa ngục Avīci đã không bốc cháy, vi ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1811. Và vị nào trong khi đản sanh bầy chim đã không bay lượn, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư5 đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1812. Và vi nào trong khi đản sanh làn gió ngưng thôi, vị ây giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1813. Và vị nào trong khi đản sanh tát cả châu báu đã rực sáng, vi ây giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1814. Và vị nào trong khi đản sanh đã có việc bước đi bảy bước chân, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1815. Và ngay khi được sanh ra, bậc Toàn Giác đã chiếu sáng tất cả các phương, Ngài đã thốt lên lời nói hùng tráng; điều

này là thông lệ của chư Phát." 1816. Sau khi làm cho dân chúng động tâm, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã ra di, mặt hướng phía Đông. 1817. [Ke từ khi] toi đã ca ngợi đức Phật trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi. 1818. Trước đây chín mươi kiếp, [tôi đã là] vị tên Sammukhâthavika, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1819. Trước đây tám mươi chín kiếp, [tôi đã là] vị tên Pathavidundubhī, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1820. Irước đây tám mươi tám kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Obhãsa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1821. Trước đây tám mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị tên Saritacchedana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1822. Trước đây tám mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vi tên Agginibbpana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1823. Trước đây tám mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị tên Gatipacchedana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1824. Trước đây tám mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị vua tên Vâtasama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1825. Trước đây tám mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Ratanapajjala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1826. Trước đây tám mươi hai kiếp, [tôi đã là] vị tên Pađavikkamana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1827. Trước đây tám mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vi vua tên Vilokana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1828. Trước đây tám mươi kiếp, [tôi đã là] VỊ Sát-đế-lỵ tên Girisãra, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1829. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sammukhãthavika4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy “Ky sự về Trưởng lão Sammukhãthavika" là phần thứ năm.

126. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUSUMẢSANIYA (Kusumāsaniyattherāpadānam) 1830. Toi đã là vị Bà-la-môn ở thành phố Dhaññavatī về [khoa] tướng mạo, về truyền thống gồm cả văn tự và nghi thức. 1831. Là người thông suốt ba tập Vệ-đà9 tôi được rành rẽ về điềm báo hiệu, biết về từ ngữ, về văn phạm, và tôi đã chỉ dạy các học trò về chú thuật. 1832. Có ý muốn dâng tặng vật hiến cúng trong khi đoàn tụ với cha mẹ5 tôi đã đặt năm bó sen xanh ở trên chiếc ghế nhỏ. 1833. Khi ấy, đức Thế Tôn Vipassī, đấng Nhân Ngiru dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đi đến, trong lúc làm cho tất cả các phương rực sáng. 1834. Sau khi sắp xếp chỗ ngồi, tôi đã thỉnh mời bậc Đại Hiền Trí. Sau khi trải ra [các] bông hoa ấy, tôi đã rước [đức Phật] đến ngôi nhà của mình.

4 Sammukhãthavỉka nghĩa là "vi đã ngợi ca (thavikà) trực tiếp ở trước mặt (sammukhā)^

1835. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng đến đức Phật phần vật thực đã có sẵn ở trong nhà của tôi. 1836. Biết được thời điểm Ngài đã thọ thực xong, tôi đã dâng cúng bó bông hoa. Đấng Toàn Tri, sau khi nói lời tùy hỷ9 đã ra di, mặt hướng phía Bắc. 1837. Ke từ khi tôi đã dang cúng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa. 1838. Vào kiếp kế liền trước đây, tôi đã là đức Vua Vàradassana, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1839. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kusumâsaniya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Kusumâsaniya" là phần thứ sáu.

127. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADÃYAKA (Phaladãyakattherãpadãnam) 1840. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, tôi sống tại khu ẩn cư ở không xa núi Hy-mã-lạp. 1841. Tôi có vật cúng dường đến ngọn lửa, có các bông sen trắng và trái cây. Sau khi đặt vào trong chiếc giỏ, tôi đã treo lên ở ngọn cây. 1842. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, có ý định tiếp độ tôi, trong khi khất thực Ngài đã đi đến gần tôi. 1843. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây đến đức Phật. Tôi đã là nguôn sanh lên niêm hạnh phúc, là sự đưa đên an lạc trong thời hiện tại cho chính tôi. 1844. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đứng ở trên không trung đã nói lên lời kệ này: 1845. "Do sự dâng cúng trái cây này và do các nguyện lực của tác ý, [người này] không đi đên khô cảnh trong một trăm ngàn kiep." 1846. Do nhờ nhân tố trong sạch ấy, tôi đã thọ hưởng sự thành đạt. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động. 1847. Trước đây bảy trăm kiếp, tôi đã là đức Vua Sumaủgala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1848. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Phaladâyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trưởng lão Phaladãyaka95 là phần thứ bảy.

5 Kusumãsaniya nghĩa là t4vị liên quan đến chỗ ngồi (āsanā) bằng bông hoa (kusuma)y
6 Phaladãyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) trái cây (phalà)y

128. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀNASAÑÑAKA (Ñānasaññakattherāpadānam) 1849. Tôi sống trong vùng đồi núi tại núi Hy-mã-lạp. Sau khi nhìn thấy bãi cát đang chói sáng, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng rằng: 1850. Ế'về trí tuệ, không có gì so sánh, không có gì đối địch với bậc Đạo sư. Sau khi biết rõ tất cả các pháp, Ngài đã giải thoát nhờ vào trí tuệ. 1851. Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kinh lễ Ngài! Không có gì sánh bằng trí tuệ của Ngài, cho dầu là trí tuệ hạng nhất." 1852. Sau khi làm cho tam của mình được tịnh tín ở trí tuệ [đức Phật], tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. Trong những kiếp còn lại, điều tốt lành đã được tôi thực hiện. 1853. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về trí tuệ. 1854. Trước đây bảy mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị độc nhất tên Pulinapupphiya, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1855. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão

Ñānasaññaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ỐẾKý sự về Trưởng lão Ñānasaflflaka" là phần thứ tám.

129. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO GANDHAPUPPHIYA (GandhapupphiyattherāpadSnam) 1856. Bậc Toàn Giác Vipassī có màu da vàng chói, bậc Xứng Đáng Sự Cúng Dường dẫn đầu các vị Thinh văn, đã rời khỏi tu viện. 1857. Sau khi nhìn thấy đức Phật tối thượng, đấng Toàn Tri, bậc Tiêu Diệt Sự Tăm Tối, với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa có hương thơm. 1858. Do sự tinh tín ấy ở trong tâm đối với đấng Chúa Te Của Loài Người như thế ấy, tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã đảnh lễ đức Như Lai lần nữa. 1859. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1860. Trước đây bốn mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Carana, là đàng Chuyên Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1861. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

7 Ñānasaññaka nghĩa là "vj suy tưởng (saññaka) về trí tuệ (nānā) của đức Phát."

Đại đức Trưởng lão Gandhapupphiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ố6Ký sự về Trưởng lão Gandhapupphiya” là phần thứ chín.

130. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PADUMAPŪJAKA (Padumapūjakattherāpadānam) 1862. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên Gotama được che phủ bởi nhiều loại cây cối khác nhau, là nơi trú ngụ của các nhóm chúng sanh vĩ đại. 1863. Và có khu ẩn cư đã được tạo nên ở trung tâm của ngọn núi ấy. Được vây quanh bởi những học trò của mình, tôi sống tại khu ẩn cư. 1864. "Này các nhóm học trò của ta, hãy mang lại cho ta hoa sen hồng. Chúng ta sẽ thực hiện việc cúng dường đức Phật, đấng Chúa Te Của Loài Ngươi như thế 4y." 1865. Các vị ấy đã đáp lại rằng: "Xin vâng”rồi đã mang lại hoa sen hồng cho tôi. Tại nơi ấy, sau khi xác định đối tượng, tôi đã dâng lên đức Phật. 1866. Khi ấy, tôi đã triệu tập các người học trò lại và đã giáo huấn điều tốt đẹp: "Các ngươi chớ xao lãng, không xao lãng là nguồn đem lại sự an lạc.” 1867. Sau khi đã giáo huấn như vậy cho những người học trò có sự chấp nhận lời dạy bảo ấy, được gắn bó với đức tính không xao lãng, tôi đã mệnh chung vào khi ấy. 1868. [Ke từ khi] toi đã dân^ lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1869. [Trước đây] năm mươi mốt kiếp, tôi đã là đức Vua Jaluttama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Padumapūjaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Padumapūjaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị Sereyyaka, vị có ngôi bảo tháp bằng bông hoa, vị [dâng cúng] cơm sữa, vi [rắc] nước thơm, vị ca ngợi, vị có chỗ ngồi, vi [dâng cúng] trái cây, vi suy tưởng, bông hoa có hương thơm, vị có hoa sen hồng; [tổng cộng] có một trăm lẻ năm câu kệ đã được thuật lại bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích. Phẩm Sereyyaka là phẩm thứ mười ba.

8 Gandhapupphiya nghĩa là t4vị liên quan đến bông hoa (pupphà) có mùi thơm (gandha)y 9 Padumapūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pụịakà) hoa sen hồng ịpadumă)y

XIV PHẨM SOBHIĨA (SOBHITÂVAGGO)

131. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SOBHITA (Sobhitattherāpadānam) 1870. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu thuyết giảng về vị thế bất tử đến tập thể dân chúng đông đảo. 1871. Sau khi lắng nghe lời nói của Ngài, tôi đã bật thốt lên lời. Khi ấy, tôi đã chắp tay lên và có sự chăm chú. 1872. "Giống như biển cả là đứng đầu trong số các nguồn nước, núi đá Neru là cao quý trong số các ngọn núi, tương tợ y như thế, những ĩiệười nào vận hành năng lực của tâm, những người ây không đạt được một phân trí tuệ của đức Phát.' 1873. Sau khi quy định đường lối trong giáo pháp, đức Phật, đấng Bi Man, bậc Ẩn Sĩ đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này: 1874. "Người nào đã ca ngợi trí tuệ về đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, người ấy sẽ không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 1875. [Người áy] sẽ thiêu đót các phiên não, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh, sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, với tên là Sobhita." 1876. [Trước đây] năm mươi ngàn kiêp, bảy vị [cùng] tên Yasuggata đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật5 có oai lực lớn lao. 1877. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tam minh đã được thành tựu, tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. 1878. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sobhita đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. Ế6Ký sự về Trưởng lão Sobhita" là phần thứ nhất

132. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUDASSANA (Sudassanattherãpadãnam) 1879. ở bờ sông Vitatthā, cây pilakkha đã được kết trái. Trong khi tìm kiếm giống cây ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 1880. Sau khi nhìn thấy cây ketaka đã được trổ hoa, khi ấy tôi đã cắt ở cuống hoa và đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian. 1881. “Bạch đức Phật tối thixợnệ, bạch bậc Đại Hiền Trí, với trí tuệ nào Ngài đã đạt được vị thế trường tồn bất tử, con xin cúng dường trí tuệ ấy.”

1882. Sau khi cúng dường trí tuệ, tôi đã nhìn thấy cây pilakkha, tôi đã được chứng đạt tuệ ấy; điều này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ. 1883. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ. 1884. Trước đây mười ba kiêp, mười hai vi [cùng] tên Phaluggata đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1885. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sudassana đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Sudassanaṃ là phần thứ nhi.

133. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CANDANAPŪJAKA (Candanapūfakattherāpadānam) 1886. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Si điểu ở bờ sông Candabhāgā. Và tôi đã có thức ăn là bông hoa, tương tợ y như vậy, có y phục là bông hoa. 1887. Và đức Thế Tôn Atthadassí,

bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã đi ra ở phía trên chóp đỉnh của khu rừng, tợ như chim thiên nga chúa ở trên bàu trời. 1888. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Tâm của Ngài khéo được thanh tịnh. Ngài có khuôn mặt và ánh mắt an tịnh, có khuôn mặt và các giác quan trong sáng." 1889. Bậc Trí Tuệ có tuệ bao la đã từ bầu trời bước xuống. Ngài đã trải ra tấm y hai lớp rồi đã ngồi vào tư thế kiết-già. 1890. Tôi đã cầm lấy trầm hương hòa tan rồi đã đi đến gần đấng Chiến Thắng. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật. 1891. Sau khi đảnh lễ đấng Toàn Giác, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc. 1892. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường trầm hương [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đưc Phật. 1893. Trước đây một ngàn bốn trăm kiếp, ba vi [cùng] tên Rohita ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1894. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Candanapūjaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Candanapūjaka" là phần thứ ba. (Dứt tụng phẩm thứ tám). l Candanapūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pīifaka) trầm hương (candană)y

134. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACHADANIYA (Pupphachadaniyattherãpadãnam) 1895. Là vị giảng huân, găn bó với sự hiên cúng, vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật tên Sunanda đã cúng hiến cho lễ hiến cúng. 1896. Kh[ấy, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, bậc Cao Cả, đấng Bi Man, bậc Ẩn Si, trong lúc thương tưởng dân chúng đã đi kinh hành ở trên không trung. 1897. Sau khi đã đi kinh hành, bậc Toàn Giác, đấng Toan Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, vị Không Còn Mầm Mống Tái Sanh đã lan tỏa bằng tâm từ ái đến các chúng sanh một cách không giới hạn. 1898. Sau khi đã cắt các bông hoa ở cuống, vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật đã triệu tập lại tất cả các học trò rồi đã thảy [các bông hoa] lên không trung. 1899. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, mái che của các bông hoa đã trải khắp cả thành phố và đã không biến mất trong bảy ngày. 1900. Do nhờ nhân tố trong sạch ấy, tôi đã thọ hưởng sự thành đạt. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi đã vượt qua sự ràng buộc ở thế gian. 1901. [Trước đây] một ngàn một trăm kiếp, ba mươi lăm vị Sát-đế-lỵ có [cùng] tên Ambaramsa đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pupphachadaniya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pupphachadanỉya" là phần thứ tư.

135. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO RAHOSAÑÑAKA (Rahosaññakattherāpadānam) 1902. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Vàsabha. ở chân ngọn núi ấy có khu ẩn cư đã được tạo lập. 1903. Khi ấy, là vi Ba-la-môn9 tôi đã chỉ dạy ba ngàn học trò. Sau khi triệu tập những người học trò ấy lại, tôi đã ngồi xuống ở một bên. 1904. Sau khi ngồi xuống ở một bên, là vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật, trong lúc tầm cầu về sự hiểu biết của đức Phật, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở trí tuệ [của Ngài]. 1905. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã ngồi xuống ở tấm thảm băng lá. Sau khi xép vào tư thê kiêt-già, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ây. 1906. Ke từ khi tôi đã đạt được sự

suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc suy tưởng về tri tuệ.

2 Pupphachadanỉya nghĩa là 4tvị liên quan đến mái che (chadană) bằng bông hoa (pupphă)y

THÁNH NHÂN KÝSự« 153

1907. [Trước đây] hai mươi bảy kiếp, tôi đã là đức Vua Siridhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1908. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Rahosañňaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Rahosañňaka" là phần thứ năm.

136. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CAMPAKAPUPPHIYA (Campakapupphiyattherãpadãnam) 1909. [Đức Phật] ngòi ở trong vùng đồi núi tợ như cây kanikāra đang cháy sáng, khiến cho tất cả các phương rực sáng tợ như vì sao osadhĩ. 1910. Đã có ba người thanh niên khéo được học tập về nghề nghiệp của mình cầm lấy túi vật dụng đi theo tôi ở phía sau. 1911. Có bảy bông hoa đã bi rụng xuống ở trong cái giỏ vì sức nóng. Tôi đã cầm lấy các bông hoa ấy và đã dâng lên [hướng tâm đến] trí tuệ của đức Vessabhū. 1912. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ. 1913. Trước đây hai mươi chín kiếp, [tôi đã là] vị tên Vipulãbha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1914. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Campakapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Campakapupphiya" là phần thứ sáu.

137. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ATTHASANDASSAKA (Atthasandassakattherāpadānam) 1915. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc có lậu hoặc đã được đoạn tận, vị đã đạt năng lực, đang ngồi ở nơi khoảnh rừng rộng, được vây quanh bởi hội chung Ty-khưu. 1916. "Một trăm ngàn vi có ba minh, có sáu thắng trí, có đại thần lực quây quanh bậc Toàn Giác, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín? 1917. ở [thế gian] gồm cả chư thiên, người có sự tương đương về trí tuệ không tìm thấy, ai là người nhìn thấy bậc Toàn Giác có trí tuệ vô biên mà không tịnh tm? 1918. Và người ta không thể làm tổn hại Pháp thân đang chiếu sáng [giống như] toàn bộ hầm mỏ châu ngọc, ai là người nhìn thấy [Ngài] mà không tịnh tín?^,

3 Rahosañňaka nghĩa là suy tưởng (sañňaka) về nơi thanh vắng (raho)' 4 Campakapupphiya nghĩa là íuvị liên quan đến bông hoa (puppha) campaka."

154 KINH TIỂU Bộ

1919. Với ba lời kệ này, vị Nārada Saragacchiya đã ngợi ca về đấng Toàn Giác, bậc Không Bị Đánh Bại Padumuttara. 1920. Do sự tinh tín ấy ở trong tâm và do sự ngợi ca đức Phật, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 1921. Trước đây ba ngàn kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Sumitta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1922. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực

hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Atthasandassaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Atthasandassaka" là phần thứ bảy.

138. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKAPASẢDANIYA (Ekapasādaniyattherapadānam) 1923. Tên của tôi là Nārada, mọi người biết tôi là [dòng dõi] Kesava. Trong khi tìm hiểu về điều thiện và bất thiện, tôi đã đi đến gần bên đức Phật. 1924. Trong khi an ủi chúng sanh, bậc Đại Hiền Trí Atthadassī, đấng Bi Man có tâm từ ai, bậc Hữu Nhãn ấy thuyết giảng giáo pháp. 1925. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã chắp tay ở đầu. Sau khi đảnh lễ bậc Đạo Sư, tôi đã ra di, mặt hướng phía Đông. 1926. [Trước đây] một ngàn bảy trăm kiếp, tôi đã là đức vua, chúa tể trái đất, là đang Chuyên Luân Vương tên Amittatāpanā có oai lực lớn lao. 1927. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekapasādaniya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ekapasãdaniya" là phần thứ tám.

139. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SẢLAPUPPHADẢYAKA (Sālapupphadāyakattherāpadānam) 1928. Lúc bấy giờ, tôi đã là vua của loài thú, là con sư tử đã được sanh ra cao quý. Trong khi tìm kiếm chỗ hiểm trở ở ngọn núi, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 1929. "Vj này ắt hẳn là đấng Đại Hùng, nệười giúp cho đám đông dân chúng được [giải thoát] Niết-bàn. Hay là ta nên hiu cận vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân ưu?" 1930. Sau khi bẻ gãy nhánh cây sâla, tôi đã mang lại bông hoa còn lớp vỏ bọc. Tôi đã đi đến gần bậc Toàn Giác và đã dâng cúng bông hoa tối thượng. 1931. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

5 A tthasandassaka nghĩa là "vj chỉ dạy (sandassakà) về ý nghĩa, mục đích (attha)y 6 Ekapasãdaniya nghĩa là liên quan đến việc một lần (ekā) có được đức tin (pasãdană)y

THÁNH NHÂN KÝ su]55

1932. Và trước đây vào kiếp thứ chín, ba vị vua tên Virocana đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1933. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)..tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sãlapupphadâyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Sâlapupphadãyaka" là phần thứ chín.

140. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PIYẢLAPHALADÃYAKA (Piyãlaphaladãyakattherãpadânam) 1934. Lúc bấy giờ, tôi đã là kẻ đồ tể, là kẻ giết hại các sanh mạng khác. Tôi nằm ngủ ở sườn núi không xa bậc Đạo Sư Sikhī. 1935. Tôi nhìn thấy đức Phật, bậc Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian vào ban đêm và ban ngày. Nhưng vật xứng đáng để dâng cúng đến đấng Chúa Te Của Loài Người thì tôi không có. 1936. Tôi đã cầm lấy trái cây piyâla và đã đi đến gần đức Phật. Đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngini đã thọ nhận. 1937. Ke từ đó về sau tôi đã theo phục vụ đấng Hướng Đạo. Với sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 1938. [Ke từ khi] toi đã cúng dường trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 1939. Trước đây mười lăm kiếp, ba vi [tên] Piyālī đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1940. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực

hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Piyālaphaladāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6éKý sự về Trưởng lão Pỉyãlaphaladãyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị Sobhita, vi Sudassanaṃ [vi dâng cúng] trâm hương, [vị dâng cúng] mái che băng bông hoa, vị suy tưởng vê nơi thanh văng, vị có bông hoa campaka, cùng với vi chỉ dạy về mục dích, vị có một lần tịnh tín, vị dâng cúng bông hoa Sla, và vị dâng cúng trái cây là thứ mười; [tổng cộng] có bảy mươi hai câu kệ đã được tính đem bởi các bậc trí. Phẩm Sobhita là phẩm thứ mười bốn.

7 Sãlapupphadâyaka nghĩa là t4vị dâng cúng (dãyako) bông hoa (puppha) sla." 8 Piyālaphaladāyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) trái cây (phală) piyāla.,,

XV PHẨM CHATIA (CHATTAVĂGGƠ)

141. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ATICHATTIYA (Atichattiyattherāpadānam) 1941. Khi đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã viên tịch Niết- bàn5 tôi đã cho thực hiện chiếc lọng che ở thượng tầng và đã dâng lên ở ngôi bảo tháp. 1942. Tôi đã nhiều lần đi đến và đã lễ bái ngôi bảo tháp của bậc Đạo sư. Tôi đã thực hiện mái che bằng bông hoa và tôi đã đặt ở phía trên chiếc lọng che. 1943. Tôi đã cai quản thiên quốc [trước đây] một ngàn bảy trăm kiếp, tôi không đi đến bản thể loài người; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp. 1944. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Atichattiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trưởng lão Atichattiya^ là phần thứ nhất

142. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO THAMBHÃROPAKA (Thambhāropakattherāpadānam) 1945. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Nhân Ngưu Dhammadassī đã Niết- bàn, tôi đã dựng lên cột cờ ở ngôi bảo tháp của đức Phật tối thượng. 1946. Sau khi tạo lập cái cầu thang, tôi đã bước lên ngôi bảo tháp tối thượng. Tôi đã cầm lấy bông hoa nhài và đã dâng lên ở ngôi bảo tháp. 1947. Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! ôi sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp. 1948. Trước đây chín mươi bốn kiếp, mười sáu vị vua [cùng] tên Thũpasikkhara đã là các đang Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao. 1949. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Thambhâropaka1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Thambhâropaka55 là phần thứ nhì. 1 Atỉchattiya nghĩa là 44vị liên quan đến chiếc lọng che ở thượng tầng (atichatta)y 2 Thambhãropaka nghĩa là uvị dựng lên (ãropaka) cây cột (thambhā)?'

143. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA (Vedikārakattherāpadānam) 1950. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Piyadassī đã Niết- bàn, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện viền rào bằng ngọc trai. 195L Sau khi cho rải quanh với các viên ngọc ma-ni, tôi đã thực hiện viền rào tuyệt hảo. Sau khi thực hiện lễ hội ở viền rào, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 1952. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể

thiên nhân hay nhân loại, có các người cầm giữ những viên ngọc ma-ni ở trên không trung; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 1953. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp, ba mươi hai vị vua [cùng] tên Manippabhā đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1954. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vedikāraka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Vedikãraka^ là phần thứ ba.

144. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAPARIVẢRIYA ỤSaparivãriyattherâpadữnam) 1955. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Toàn Giác sau khi phát cháy như là khối lửa, đã viên tịch Niết-bàn. 1956. Và khi bậc Đại Hùng đã Niết-bàn, đã có ngôi bảo tháp rộng rãi. Người người túc trực ngày và đêm ở gian nhà Xá-lợi cao quý tối thượng. 1957. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện vòng rào chắn bằng gỗ trầm hương. Và khi ấy, có làn khói phù hợp với ngôi bảo tháp được nhìn thấy. 1958. Trong khi được sanh lên ở cõi hữu, dầu ở bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không nhìn thấy tôi có sự thua kém; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 1959. Trước đây mười lăm kiếp đã có tám vị [vua], tất cả các vị ấy có [cùng] tên Samattā, là các đấng Chuyển Luân Vuông, có oai lực lớn lao. 1960. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saparivãriya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Saparivãriya59 là phần thứ tư.

145. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UMMẢPUPPHIYA (Ummāpupphiyatherāpadānam) 1961. Khi đức Thế Tôn Siddhartha, đấng Bảo Hộ Thế Gian, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã Niết-bn, đã có lễ hội ở ngôi đại bảo tháp.

3 Vedikãraka nghĩa là thực hiện (kārako) viền rào ịyedí)y 4 Saparỉvãrỉya nghĩa là 4tvị liên quan đến nhóm tùy tùng (parivārā) của mình (s)."

1962. Trong khi lễ hội dành cho bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhartha đang được tiến hành, tôi đã cầm lấy bông hoa ummâ và đã dâng lên ngôi bảo tháp. 1963. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bảo tháp. 1964. Và trước đây vào kiêp thứ chín, tám mươi lăm vị vua [cùng] tên Somadeva đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1965. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ưmmãpupphiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ummapupphiya^ là phần thứ năm.

146. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ANULEPADÃYAKA (Anulepadāyakattherāpadānam) 1966. Tôi đã thực hiện vòng rào chắn ở cội Bồ-đề của bậc Hiền Trí Anomadassĩ. Tôi đã dâng cúng khối vôi bột và đã làm công việc tô trét. 1967. Sau khi nhìn thấy hành động đã được thực hiện khéo léo ấy, đấng Tối Thượng Nhân Anomadassĩ, bậc Đạo Sư đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này: 1968. "Do việc làm về vôi bột này và do các nguyện lực của tác ý, [người này] sẽ thọ hưởng sự thành đạt và sẽ chấm dứt khổ dàu.” 1969. Tôi có vẻ mặt tịnh tín, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh. Tôi duy trì

thân mạng cuôi cùng ở giáo pháp của đang Chánh Đăng Giác. 1970. Trước đây tròn đủ một trăm kiếp không thiếu hụt, [tôi đã là] đức vua tên Sabbaghana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1971. Bốn [tuệ] phân tích,...(lít)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Anulepadâyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Anulepadâyaka55 là phần thứ sáu.

147. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAGGADÃYAKA (Maggadāyakattherāpadānam) 1972. Bậc Hữu Nhãn vượt qua con sông nhỏ rồi đi vào khu rừng. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác Siddhattha có ba mươi hai hảo tướng ấy. 1973. Tôi đã cầm lấy cuốc xẻng và cái giỏ rồi đã san bằng con đường ấy. Tôi đã đảnh lễ bậc Đạo sư và đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. 1974. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng đường đi.

5 Ummãpupphiya nghĩa là liên quan đến bông hoa ịpuppha) umm” 6 Anulepadāyaka nghĩa ỉa dâng cúng (dāyako) vữa để tô trét {anulepă)y

1975. [Trước đây] năm mươi bảy kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng độc nhất với tên Suppabuddha; vị lãnh đạo ấy là chúa tể loài người. 1976. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Maggadãyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trưởng lão Maggadãyaka,5 là phần thứ bảy.

148. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PHALAKADĀYAKA (Phalakadāyakattherāpadānam) 1977. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ đóng xe thuyền khéo được học tập về nghề mộc. Tôi đã thực hiện tấm ván bằng gỗ trầm hương và đã dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian. 1978. Cung điện bằng vàng khéo được hóa hiện ra này chói sáng. Phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời được sẵn sàng. 1979. Các tòa lâu đài luôn cả các kiệu khiêng được sanh lên theo như ước muốn, châu báu của tôi không bị suy suyển; điều này là quả báo của tấm ván gỗ. 1980. [Ke từ khi] toi đã dâng tấm ván gỗ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm ván gỗ. 1981. Trước đây năm mươi bảy kiêp? bôn vị [cùng] tên Nimmitā đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1982. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Phalakadâyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Phalakadāyaka" là phần thứ tám.

149. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VATAMSAKIYA (Vatamsakiyattherāpadānam) 1983. Đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên Sumedha, trong khi thực hành hạnh độc cư, đã đi sâu vào khu rừng lớn. 1984. Sau khi nhìn thấy cây salala đã được trổ hoa, tôi đã buộc thành vòng hoa đội đầu. Tôi đã dâng lên đức Phật bằng cách đặt ở trước mặt đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 1985. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1986. [Trước đây] một ngàn chín trăm kiếp, mười sáu vị [cùng] tên Nimmitā đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1987.

Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

160 KINH TIẾU Bộ

Đại đức Trưởng lão Vatamsakiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Vatamsakiyaw là phần thứ chín.

150. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PALLAÑKADĀYAKA (Pallankadāyakattherāpadānam) 1988. Tôi đã dâng cúng chiếc ghế bành có mái che ở phía trên đến đức Thế Tôn Sumedha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 1989. Lúc bấy giờ, chiếc ghế bành ấy có đầy đủ bảy loại châu báu luôn luôn sanh lên cho tôi, đúng theo ý định của tôi. 1990. Ke từ khi tôi đã dân^ cúng chiếc ghế bành trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc ghế bành. 1991. [Trước đây] hai chục ngàn kiêp, ba người [cùng] tên Suvannābha, [đã là] các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1992. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pallañkadāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pallañkadāyaka" là phần thứ mườĩ.

Phần tóm lược Chiếc lọng che, cây cột [đèn], viền rào quanh, vị có nhóm tùy tùng, vi liên quan đến bông hoa umma, vị tô trét, vị dâng cúng đườn^ di, vị dang cúng tấm ván gỗ, vị có vòng hoa đội đầu, vị dâng cúng chiếc ghe bành; [tổng cộng] có năm mươi sáu câu kệ đã được thuật lại. Phẩm Chatta là phẩm thứ mười lẳm.

7 Vatamsakiya nghĩa là uvị liên quan đến vòng hoa đội đầu (vatamsakd)y 8 Pallañkadāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) chiếc ghế bành (pallañka)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 161

XVI. PHẨM BANDHUJĪVAKA (BANDHUJĪVAKAVAGGO)

151. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BANDHUJĪVAKA (Bandhujīvakattherāpadānam) 1993. [Toi đã nhìn thấy đức Thế Tôn Sikhī] tợ như mặt trăng không bị bợn nhơ, tinh khiết, trong sạch, không bị loạn động, đã đoạn tận sự vui thích ở hiện hữu, đã vượt qua sự ái luyến ở đời. 1994. Là bậc đã vượt qua, cao quý trong sô các đang đang tiêp độ, Ngài đang giúp cho dân chúng thành tựu Niết-bàn. Ngài đang tham thiền ở trong khu rừng, có sự chăm chú, vô cùng định tĩnh. 1995. Sau khi buộc lại các bông hoa bandhujīvaka bằng sợi chỉ, tôi đã dâng lên đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Sikhī. 1996. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1997. Trước đây vào kiếp thứ bảy, tôi đã là vị Chúa Te Của Loài Người có danh vọng vĩ đại tên Samantacakkhu, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1998. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bandhujīvaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Bandhujīvaka" là phần thứ nhất.

152. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TAMBAPUPPHIYA (Tambapupphiyattherāpadānam) 1999. Là người bị bận rộn trong việc quán xuyến công việc của người khác, tôi đã làm điều lầm lỗi. Bị xâm chiếm bởi nỗi lo sợ và hốt hoảng, tôi đã trốn chạy đến cuối khu rừng. 2000. Sau khi nhìn thây giông cây đã được trô hoa, dính thành từng chùm, khéo léo phô bày, tôi đã ngắt lấy bông hoa màu nâu đỏ và đã rải rắc ở cội cây Bồ-đề. 200L Sau khi quét dọn cội cây Bồ-đề là giống cây pātalī tối thượng ấy, tôi đã xép chan vao tư the kiet-gia va ngoi xuông ơ góc CÔI cay Bô-đêe

2002. Trong khi tìm kiếm con đường [tôi] đã đi qua, bọn họ đã đến gần chỗ tôi. Và ở tại nơi ấy, sau khi nhìn thấy bọn họ, tôi đã quan sát cội cây Bồ- đề tối thượng. 2003. Và với tâm ý trong sạch, tôi đã đảnh lễ cội cây Bồ-đề. Tôi đã bị rơi xuồng ở hẻm núi đáng kinh sợ có độ sâu băng nhiêu cây thót nót. 2004. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội cây Bồ-đề. 2005. Và trước đây vào kiếp thứ ba, tôi đã là đức Vua Susañfiata, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2006. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tambapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Tambapupphiya" là phần thứ nhì.

153. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VĪTHISAMMAJJAKA (Vīthisammajjakattherāpadānam) 2007. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang đi ra tợ như mặt trời đang mọc, như là mặt trời có tia sáng màu vàng, như là mặt trăng vào ngày rằm. 2008. Đã có tất cả sáu mươi tám ngàn vị Lậu tận [A-la-hán] đã tháp tùng bậc Toàn Giác, vi Chúa Te Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu. 2009. Với tâm ý trong sạch, tôi đã quét dọn con đường ấy, và trong khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang đi ra, tôi đã trương lên lá cờ ở tại nơi ấy. 2010. [Ke từ khi] toi đã dâng lên ngọn cờ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng ngọn cờ. 2011. Trước đây vào kiếp thứ tư, tôi đã là vị vua có sức mạnh vĩ đại, được thành tựu về mọi phương diện, được nổi danh là Sudhaja. 2012. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vīthisammajj aka1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Vīthisammajj akaw là phần thứ ba.

154. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KAKKĀRUPŪJAKA (Kakkāruptīfakattherāpadānam) 2013. Trong khi là vị Thiên tử, tôi đã cúng dường đến đấng Lãnh Đạo Sikhī. Tôi đã cầm lấy bông hoa kakkâru và đã dâng lên đức Phật. 2014. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1 Tambapupphiya nghĩa là "vj liên quan bông hoa ịpuppha) màu nâu đỏ (tamhā}y 2 Vīthisammajjaka nghĩa là 'V quét dọn (sammajjaka) con đường (yĩthĩ)y

2015. Và trước đây vào kiếp thứ chín, tôi đã là đức Vua Sattuttama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2016. Bốn [tuệ] phân

tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kakkārupūjaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Kakkārupflj aka55 là phần thứ tư.

155. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MANDĀRAVAPŪJAKA (Mandāravapūfakattherāpadānam) 2017. Trong khi là vị Thiên tử, tôi đã cúng dường đến đấng Lãnh Đạo Sikhī. Tôi đã cầm lấy bông hoa mandârava và đã dâng lên đức Phật. 2018. Trong bảy ngày, đã có tràng hoa của cõi trời là chiếc lọng che cho đức Như Lai. Tất cả dân chúng đã tụ hội lại và đã lễ bái đức Như Lai. 2019. [Ke từ khi] toi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 2020. Và trước đây vào kiếp thứ mười, tôi đã là đức Vua Jutindhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2021. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mandāravapūj aka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ^Ký sự về Trưởng lão Mandāravapūjaka95 là phần thứ năm.

156. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KADAMBAPUPPHIYA (Kadambapupphiyattherāpadānam) 2022. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Kukkuta. Bảy vị Phật Độc Giác ấy cư ngụ ở chân ngọn núi ấy. 2023. Sau khi nhìn thây cây kadamba đã được trô hoa tợ như mặt trăng, [vua của các ngọn đèn] đã mọc lên, bang cả hai tay tôi đã hái và đã rải rắc ở bảy vị Phật. 2024. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2025. Trước đây chín mươi hai kiêp? bảy vị [cùng] tên Puppha đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2026. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lòd dạy của đức Phật.

3 Kakkārupūjaka nghĩa là "vi cúng dường ịpũịaka) bông hoa kakkāru.^^ 4 Mandãravapĩịaka nghĩa là cúng dường (pūjaka) bông hoa mandârava.>,

Đại đức Trưởng lão Kadambapupphiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Kadambapupphiya" ỉa phần thứ sáu.

157. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TINASŪLAKA (Tinasũlakattherãpadãnam) 2027. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên Bhūtagana. ở tại nơi ấy có đấng Chiến Thắng, bậc Tự Chủ, bậc Tách Ly Khỏi Thế Gian cư ngụ đơn độc. 2028. Tôi đã cầm lấy những bông hoa tinasūla và đã dâng lên đức Phật. Tôi không trở thành người bị rơi vào đọa xứ trong chín mươi chín ngàn kiếp. 2029. Trước đây mười một kiếp, tôi đã là vị Dharanīruha độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2030. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tinasūlaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Tiọasũlaka55 là phần thứ bảy.

158. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NẢGAPUPPHIYA (Nãgapupphiyattherãpadãnam) 2031. [Tôi đã là] vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật tên Suvaccha sống ở trong vùng đoi

núi, được tùy tùng bởi các người học trò của mình. 2032. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng có ý định tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi. 2033. Ngài [đã] đi kinh hành ở trên không trung, tương tợ y như thế Ngài [đã] phun khói, [đã] chói sáng. Sau khi nhận biết sự vui mừng ở tôi, Ngài đã ra di, mặt hướng phía Đông. 2034. Sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, tôi đã cầm lấy bông hoa nāgā và đã rải rắc ở con đường [Ngài] đã đi qua. 2035. [Ke tư khi] tôi đã rải rắc bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, do nhờ sự tịnh tín ấy ở trong tâm tôi đã không đi đến khổ cảnh. 2036. [Trước đây] ba ngàn một trăm kiếp, tôi đã là đức Vua Mahãratha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2037. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nâgapupphiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Nãgapupphiya" là phần thứ tám.

5 Kadambapupphỉya nghĩa là 44vị liên quan đến bông hoa (puppha) kadamba." 6 Tinasūlaka nghĩa là "vi liên quan đến bông hoa tinasūlaka.„ 7 Nãgapupphiya nghĩa là liên quan đến bông hoa (puppha) nāga.„

THÁNH NHÂN KÝ sự 165

159. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNẢGAPUPPHIYA (Punnāgapupphiyattherāpadānam) 2038. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng rậm, tôi sinh sống, là người thợ săn. r 7 e r Sau khi nhìn thây cây punnâga đã được trô hoa, tôi đã tưởng nhớ đên đức Phật tối thượng. 2039. Tôi đã thu nhặt bông hoa xinh đẹp tỏa hương thơm ngào ngạt ấy. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp ở trên cát, tôi đã dâng lên đức Phật. 2040. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phật. 2041. [Trước đây] chín mươi mốt kiếp, tôi đã là vi Tamonuda độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2042. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Punnâgapupphiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6aKý sự về Trưởng lão Punnâgapupphiya 55 là phần thứ chín.

160. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KUMUDADẢYAKA (Kumudadāyakattherāpadānam) 2043. ở không xa núi Hy-mã-lạp đã có hồ nước thiên nhiên rộng lớn, được che phủ bởi các bông sen đỏ và sen xanh, được tràn ngập bởi các bông sen trăng. 2044. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài chim tên gọi kukuttha, có giới hạnh, được thành tựu trí sáng suôt, rành rẽ vê phước và tội. 2045. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đại Hiền Trí đã lai vãng ở không xa hồ nước thiên nhiên. 2046. Tôi đã ngắt hoa súng trắng mọc ở trong nước và đã dâng đến bậc Đại Ẩn Sĩ. Biết được ý định của tôi, bậc Đại Hiền Trí đã thọ nhận. 2047. Và sau khi đã dâng cúng vật thí ấy, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 2048. Trước đây một ngàn sáu trăm kiêp, tám vị thông lãnh dân chúng r 9

[cùng] tên Varuna này đã là các đang Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao. 2049. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kumudadâyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão

Kumudadyaka” là phần thứ mười.

8 Punnãgapupphiya nghĩa là C4vị liên quan đến bông hoa (puppha) punnãga.„ 9 Kumudadãyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dãyako) hoa súng trắng (kumudă)y

166 KINH TIỂU BÔ _____

Phần tóm lược Vị [có hoa] bandhujīvaka, vi có hoa màu nâu đỏ, [vị quét dọn] con đường di, vị có hoa kakkāru, hoa mandārava, vị có hoa kadamba, vị có hoa tinasūla, vi có hoa nāgā, hoa punnāga, vị có hoa komuda; [tổng cộng] có năm mươi sáu cảu kệ đã được thuật lại. Phẩm Bandhujīvaka là phẩm thứ mười sáu.

THÁNH NHÂN KÝ sự 167

xvn. PHẨM SUPÃRICARIYA (SUPÂR[CARIY4K4GGƠ)

161. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUPĀRICARIYA (Supāricariyattherāpadānam) 2050. Sau khi lìa khỏi khu rừng bao la, vị Chúa Te Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu, bậc Hữu Nhãn tên Paduma đã thuyết giảng giáo pháp. 2051. Đã có cuộc hội họp của các dạ-xoa ở không xa bậc Đại Ẩn Sĩ. Vì công việc ấy, các dạ-xoa đã đi đến và ngay lập tức đã xem xét. 2052. Nhận biết lời nói của đức Phật và sự thuyết giảng về bất tử, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã vỗ tay và đã phục vụ [Ngài]. 2053. Quý vị hãy nhìn xem quả báo của việc phục vụ bậc Đạo Sư đã khéo được thực hành, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong ba mươi ngàn kiếp. 2054. Trước đây hai ngàn chín trăm kiếp, [tôi đã là] vi tên Samalañkata, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2055. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Supâricariya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Supâricariya^ là phần thứ nhất

162. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KANAVERAPUPPHIYA (Kanaverapupphiyattherāpadānam) 2056. Đức Thế Tôn tên Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đang Nhân Ngiru dân đâu các vị Thinh văn, đã bước đi ở trong thành phô. 2057. Tôi đã được vinh dự là người canh gác ở hậu cung của đức vua. Tôi đã đi đến gần tòa lâu đài và đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo The Gian. 2058. Tôi đã cầm lấy bông hoa kanavera và đã rải rắc ở hội chúng Tỳ-khưu. Tôi đã thực hiện nhiều làn ở đức Phật, sau đó đã rải rắc nhiều hơn nữa. 2059. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc Cling dường bông hoa. 2060. Trước đây tám mươi bảy kiếp, bốn vi [cùng] tên Mahiddhikā đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2061. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

168 KINH TIÊU BÔ

Đại đức Trưởng lão Kanaverapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Kanaverapupphiya95 là phần thứ nhì.

163. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KHAJJAKADĀYAKA (Khajjakadāyakattherāpadānam) 2062. Trước đây, tôi quả nhiên đã có dâng cúng trái cây đến đức Thế Tôn Tissa. Và tôi

đã dâng lên trái dừa được công nhận là vật ăn được. 2063. Sau khi tôi đã dâng cúng trái cây ấy đến đức Phật, bậc Đại Ẩn Sĩ Tissa, tôi được vui mừng là người đã làm xong việc theo như dự tính, tôi đã được tái sanh theo như ước muốn. 2064. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 2065. Trước đây mười ba kiếp, tôi đã là đức Vua Indasama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2066. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Khajj akadâyaka1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trường lão Khajjakadãyaka" là phần thứ ba.

164. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DESAPŪJAKA (Desapūjakattherāpadānam) 2067. Còn về đức Thế Tôn Atthadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đang Nhân Ngưu, Ngài bay lên bâu trời và di chuyên băng đường không trung. 2068. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cúng dường đến bất cứ khu vực nào mà đấng Đạo Sư, bậc Đại Hiền Trí đã đi đến và đứng lại ở khu vực ấy. 2069. [Ke từ khi] tôi đã nhìn thấy bậc Đại Hiền Trí [trước đây] một ngàn tám trăm kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường khu vực [đức Phật đã đứng]. 2070. [Trước đây] một ngàn một trăm kiếp, [tôi đã là] vị tên Gosujāta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2071. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Desapūjaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Desapūjaka" là phần thứ tư.

1 Kanaverapupphiya nghĩa là tcvị liên quan đến bông hoa (puppha) kanavera.,, 2 Khajjakadāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) vật thực để nhai (Jihạjjakă)y 3 Desapūjaka nghĩa là cúng dường (pūjaka) khoảnh đất, vùng đất (desa)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 169

165. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KANIKĀRACCHADANIYA (Kanikāracchadaniyattherāpadānam) 2072. Đấng Toàn Giác Vessabhū, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Hiền Trí đã đi sâu vào khu rừng lớn cho việc nghỉ ngơi giữa ngày. 2073. Khi ấy, tôi đã thu nhặt bong hoa kanikāra và đã làm chiếc lọng che. Sau khi thực hiện chiếc lọng che bằng bông hoa, tôi đã dâng lên đức Phật. 2074. [Ke từ khi] tôi đã dân^ lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2075. Trước đây hai mươi kiếp, tám vi Sát-đế-lỵ [cùng] tên Sonnābha đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2076. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kanikāracchadaniya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy í6Ký sự về Trưởng lão Kanikaracchadaniya" là phần thứ năm.

166. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAPPIDÃYAKA (SappidâyakattherãpadãnaỉỊÌ) 2077. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tên Phussa, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Anh Hùng, trong khi giúp cho đám đông dân chúng thành tựu Niết- bàn9 Ngài [đã] đi ở trèn

đương. 2078. Theo tuần tự? đức Thế Tôn đã đi đến gần chỗ của tôi. Do đó, tôi đã nhận lây bình bát và đã dâng cúng bơ lỏng, dâu ăn. 2079. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng bơ lỏng trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng bơ lỏng. 2080. Trước đây năm mươi sáu kiếp, tôi đã là vị tên Samodaka độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2081. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sappidâyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍÉKý sự về Trưởng lão Sappidyaka" là phần thứ sáu.

167. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO YŨTHIKÃPUPPHIYA (Yũthikãpupphiyattherãpadãnam) 2082. Tôi [đã] di chuyển xuôi dòng ở bờ sông Candabhãgã. Tôi đã nhìn thay đang Tự Chủ ở tại nơi ấy tợ như cây sâla chúa đã được tro hoa.

4 Kanikāracchadaniya nghĩa là "vj liên quan đến mái che (chadana) bằng bông hoa kanikāra.,, 5 Sappidãyaka nghĩa là 4Uvị dâng cúng (dãyako) bơ lỏng (sappi)'

2083. Tôi đã cầm lấy bông hoa yũthika và đã đi đến gần bậc Đại Hiền Trí. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật. 2084. [Ke từ khi] tôi đã cung đuờng bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2085. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, tôi đã là vị tên Samuddhara độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2086. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Yūthikāpupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Yūthikāpupphiya55 là phần thứ bảy.

168. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DUSSADẢYAKA (Dussadãyakattherãpadãnam) 2087. Lúc bấy giờ, tôi đã là người con trai của đức vua ở thành phố Tivarâ đáng yêu. Sau khi nhận được tặng phẩm, tôi đã dâng cúng đến bậc An Tinh. 2088. Đức Thế Tôn đã chấp thuận và đã dùng bàn tay sờ vào tấm vải. Sau khi chấp thuận, [đức Phật] Siddhattha đã bay lên khoảng không ở bầu trời. 2089. Trong khi đức Phật đang đi, các tấm vải đã chạy theo phía sau của Ngài. Tại nơi ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín; đức Phật là nhân vật cao cả của chúng ta. 2090. Ke từ ỉdii tôi đã dâng cúng tấm vải trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải. 2091. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, khi ấy tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương, là vị chúa tê của loài người tên Parisuddhā, có oai lực lớn lao. 2092. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dussadâyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Dussadâyaka" là phần thứ tám.

169. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAMẢDAPAKA (Samādapakattherāpadānam) 2093. ở tại thành phố Bandhumatī, đã có hội chúng cư sĩ đông đảo. Tôi đã là người ưu tú trong sô họ? và họ là các cộng sự viên của tôi. 2094. Sau khi tụ tập tất cả bọn họ lại, tôi đã khuyến khích về cong việc phước thiện: "Chúng ta sẽ làm tràng hoa dâng đên hội

chúng là phước điền tối thượng?5

6 Yũthìkãpupphiya nghĩa là fctvị liên quan đến bông hoa (pupphà) yũthika.„ 7 Dussadãyaka nghĩa là dâng cúng {dãyako) tấm vải (dussàyy

2095. Thuận theo mãnh lực của niềm ước muốn của tôi, họ đã đáp lại rằng: uTốt lắpi", và họ đã hoàn tất tràng hoa ấy. [Tôi đã nói rằng:] "Chúng ta hãy dâng đến [đức Phật] Vipassī?5 2096. Ke từ khi tôi đã dâng cúng tràng hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tràng hoa. 2097. Trước đây năm mươi chín kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng độc nhất tên Âdeyya, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2098. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Samâdapaka đã nói lên những lời kệ này như thê ây. uKý sự về Trưởng lão Samãdapaka" là phần thứ chín.

170. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PAÑCAÑGULIYA (Pañcañguliyattherāpadānam) 2099. Đức Thế Tôn tên Tissa đã là bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Hiền Trí, vị thiện xảo về việc an tru [thiền quả] đang đi vào hương thất. 2100. Tôi đã cầm lấy tràng hoa có hương thơm ngào ngạt và đã đi đến gần đấng Chiến Thắng. Chính vì không làm ồn đến đấng Toàn Giác, tôi đã dâng cúng một nhúm năm ngón tay [bông hoa]. 2101. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên hương thơm trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của một nhúm năm ngón tay [bông hoa]. 2102. Trước đây bảy mươi hai kiếp, vị vua tên Sayampabha đã là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2103. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Paficañguliya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pañcañguliya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vi có sự phục vụ tốt, vị có bông hoa kanavera, vị có vật ăn được, vị cúng dường khu vực, bông hoa kanikāra, vị dâng cúng bơ lỏng, bông hoa yũthika, vị dâng cúng tấm vải, tràng hoa và một nhúm năm ngón tay; [tổng cộng] có năm mươi bốn câu kệ. Phẩm Supãrỉcariya là phẩm thứ mười bảy.

8 Pañcañguliya nghĩa là t4vị liên quan đến l nhúm 5 (pañca) ngón tay (añgulā)y

xvm. PHẨM KUMUDA (KUMUDAVĂGGƠ)

171. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KUMUDAMÃLIYA (KumudamũliyattherSpadãnam) 2104. ở núi Hy-mã-lạp đã có hồ nước thiên nhiên rộng lớn. Là loài quỷ sứ đã được sanh ra ở tại nơi ấy, tôi đã có dáng vẻ rùng rợn, có sức mạnh lớn lao. 2105. Bông súng trắng ở tại nơi ấy trổ hoa. Chúng được sanh ra có kích thước bằng bánh xe. Tôi đã thu nhặt bông hoa ấy, và đã có sự gặp gỡ với bậc có năng lực vào lúc ấy. 2106. về đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Chúa Te Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu, sau khi nhìn thấy bông hoa đã được gom lại, Ngài đã đi đến gần chỗ của tôi. 2107. Và khi bậc Toàn Giác, vi Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đã đi đến gần, tôi đã gặp Ngài; tôi đã cầm lấy bông hoa và

đã dâng lên đức Phật. 2108. Khi ấy, hội chúng ấy đã trải dài đến tận cùng núi Hy-mã-lạp. Đức Như Lai đã đi đến, có được đầy đủ mái che cho toàn bộ hội chúng. 2109. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2110. Trước đây mười lăm kiếp, bảy vi thống lãnh dân chúng [cùng] tên Sahassaratha ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2111. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kumudamâliya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Kumudamãliya" là phần thứ nhất

172. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NISSENIDÃYAKA (Nissenidāyakattherāpadānam) 2112. Tôi đã cho thực hiện cầu thang để bước lên tòa lau đài của đức Thế Tôn Kondafiña, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 2113. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, sau khi thọ hưởng sự thành đạt, tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1 Kumudamãlìya nghĩa là uvị liên quan đến tràng hoa (mãỉa) kumuda,^^

THÁNH NHÂN KÝ sự 173

2114. [Trước đây] ba mươi môt ngàn kiêp, ba vi vua [cùng] tên Sambahulā đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2115. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nissenidāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Nissenidãyaka" là phần thứ nhì.

173. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RATTIPUPPHIYA (Rattìpupphiyattherâpadānam) 2116. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu. 2117. Sau khi nhìn thấy giống cây rattika [nở hoa ban đêm] có chứa dược liệu đã được trổ hoa, tôi đã thu hoạch bông hoa luôn cả cuống và đã dâng đến bậc Đại Ẩn Sĩ. 2118. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa. 2119. Và trước đây vào kiếp thứ tám, tôi đã là đức vua tên Suppasanna, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2120. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Rattipupphiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Rattipupphiya” là phần thứ ba.

174. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UDAPẢNADẢYAKA (Udapãnadãyakattherãpadãnam) 2121. Tôi đã thực hiện cái giếng dành cho đức Thế Tôn Vipassī. Và khi ấy, sau khi dâng cúng đồ ăn khất thực, tôi đã dâng [cái giếng] đến Ngài. 2122. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, toi không con biêt đen kho canh; điêu nay la qua bao cua cai giêng. 2123. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Udapānadāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Udapãnadãyaka" là phần thứ tư.

2 Nissenidāyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) cầu thang (ỉỉissenĩ)y 3 Rattipupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (mãỉa) nở vào ban đêm (rattỉ)y 4 ưdapãnadãyaka

nghĩa là dâng cúng (dāyako) cái giếng (ụdapānă)y

174 KINH TIỂU BỐ

175. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANADĀYAKA (Sīhāsanadāyakattherāpadānam) 2124. Khi bậc Lãnh Đạo Padumuttara, đấng Bảo Hộ Thế Gian đã Niết-bàn? với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng bảo tọa sư tử. 2125. Tại nơi ấy, sau khi thực hiện sự cúng dường với nhiều vật thơm và tràng hoa đến Ngài là nguồn đem lại sự an lạc trong thời hiện tại, nhiều người thành tựu Niết-ban. 2126. Sau khi đảnh lễ cội Bồ-đề tối thượng với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 2127. [Trước đây] mười lăm ngàn kiếp, tám vị vua [cùng] tên Siluccaya ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương. 2128. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sīhāsanadāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão SThãsanadãẏaka" ỉa phần thứ năm.

176. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGADATTIKA (Maggadattikattherāpadānam) 2129. Đức Thế Tôn Anomadassĩ, bậc Chúa Te Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu đã đi kinh hành ở ngoài trời nham sự thoải mái [cho cơ the] trong thời hiện tại. 2130. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ và đã rải rắc những bông hoa. Các bông hoa đã rơi ở bàn chân được giở lên và ở trên đỉnh đầu. 2131. Trước đây hai mươi ngàn kiếp, năm người [cùng] tên Pupphacchadaniya đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2132. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Maggadattika đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Maggadattika” là phần thứ sáu.

177. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKADĪPIYA (Ekadīpiyattherāpadānam) 2133. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng một ngọn đèn ở cây sa-la là cội Bồ-đề tối thượng của bậc Hiền Trí Padumuttara. 2134. Trong khi [tôi] được sanh lên ở cõi hữu, sự tích lũy phước báu đã được sanh theo, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngọn đèn. 2135. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp, bốn người [cùng] tên Candãbha ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

5 Sĩhãsanadãyaka nghĩa là t4vị dâng cúng (dāyako) bảo tọa sư tử (sīhāsana)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 175

2136. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekadĩpiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ekadĩpiya,9 là phần thứ bảy. (Dứt tụng phẩm thứ chín).

178. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MANIPŪJAKA (Manipūfakattherāpadanam) 2137. Có con sông nhỏ đã phát xuất từ phân bên dưới của núi Hy-mã-lạp. Và lúc bấy giờ, bậc Tự Chủ cư ngụ ở phần đất cạnh bờ sông ấy. 2138. Tôi đã cầm lấy chiếc ghế bành làm bằng ngọc ma-ni có màu sắc xinh xắn, đáng yêu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật. 2139. [Ke từ khi] toi đã dânạ lên ngọc ma-ni trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2140.

Và trước đây mười hai kiêp, tám vi vua [cùng] tên Satararpsi ây đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2141. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Manipūjaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Manipūjakaw là phần thứ tám.

179. KÝ SựVÈ TRƯỞNG LÃO TĪKiCCĪiAKA(Tikicchakattherāpadānam) 2142. ở thành phố Bandhumatī, tôi đã là người thầy thuốc khéo được học tập, là nguồn đem lại sự an lạc cho những bệnh nhân có sự khổ đau. 2143. Sau khi nhìn thấy vị Sa-môn có giới hạnh, vố cùng sáng suốt, bị lâm bệnh. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng thuốc chữa bệnh. 2144. Chính nhờ thế, vị Sa-môn có giác quan thu thúc đã được lành bệnh. Người là vị hầu cận của [đức Phật] Vipassī, có tên là Asoka. 2145. Ke từ khi tôi đã dâng cúng phương thuốc trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của thuôc chữa bệnh. 2146. Và trước đây vào kiếp thứ tám, [tôi đã là] vị tên Sabbosadha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2147. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tikicchaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Tikicchaka" là phần thứ chín* 6 Ekađĩpiya nghĩa là 44vị liên quan đến một (ekā) ngọn đèn (dĩpă)y 7 Tikicchaka nghĩa là 4tvị thầy thu6c".

180. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAÑGHUPATTHĀKA (Sañghupatthākattherāpadānam) 2148. Vào thời kỳ đức Thế Tôn Vessabhū, tôi đã là người phụ việc tu viện. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã phục vụ hội chúng tối thượng. 2149. Ke từ khi tôi đã thực hiên việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ. 2150. Trước đay vào kiếp thứ bảy, chính bảy vị [cùng tên] Samodaka ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2151. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sañghupatthāka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sañghupatthāka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược B6ng súng trăng, roi vị có câu thang, giông cây nở hoa vê đêm, vị dâng cúng giêng nước, vị có bảo tọa sư tử, vị rải rắc [bông hoa] ở con đường, vị có một ngọn đèn, vị dâng lên ngọc ma-ni, vi y si, vị phục vụ; [tổng cộng] có bốn mươi chín câu kệ. Phẩm Kumuda là phẩm thứ mười tám.

8 Sañghupatthāka nghĩa là 'V phục vụ (upatthāka) hội chúng (sañgha)y

XIX. PHẨM KUTAJAPUPPHIYA (KUTAJAPUPPHIY4^4GGO)

181. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KUTAJAPUPPHIYA (Kutajapupphiyattherāpadānam) 2152. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Toàn Giác có màu da vàng chói tợ như mặt trời đã mọc lên

đang quan sát phương hướng trong lúc đang di chuyển ở không trung. 2153. Sau khi nhìn thấy cây kutaja đã được trổ hoa, đã được phát tán ngang dọc, tôi đã ngắt lấy [bông hoa] từ trên cây và đã dâng lên [đức Phật] Phussa. 2154. [Ke từ khi] toi đã dânệ lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2155. Trước đây mười bảy kiếp, bảy vị [cùng tên] Pupphita đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2156. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kutajapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Kutajapupphiya55 ỉa phần thứ nhất

182. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BANDHUJĪVAKA (Bandhujīvakattherāpadānam) 2157. Đấng Toàn Giác, bậc Tự Chủ tên Siddhattha là vị đã được các bậc có đức hạnh ca ngợi. Được thành tựu về thiền định, Ngài đã ngồi ở trong vùng đồi núi. 2158. Trong khi tìm kiếm bông hoa tối thượng sanh trưởng ở trong nước tại hồ nước thiên nhiên, tôi đã nhìn thấy các bông hoa bandhujīvaka gần kề bên cạnh. 2159. Tôi đã nâng lên [các bông hoa] bằng cả hai tay và đã đi đến gần bậc Đại Hiền Trí. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên [đức Phật] siddhattha. 2160. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1 Kutạiapupphiya nghĩa là liên quan đến bông hoa (pupphă) kutaja.,?

2161. Irước đây mười bốn kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng, là đấng Chuyển Luân Vương tên Samuddakappa, có oai lực lớn lao. 2162. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bandhujīvaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ẾÍKý sự về Trưởng lão Bandhujīvaka55 là phần thứ nhì.

183. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KOTUMBARIYA (Kotumbariyattherāpadānam) 2163. [Tôi đã nhìn thấy đức Phật Sikhī] ngồi ở trong vùng đồi núi tợ như cây kanikāra đang cháy sáng, tợ như biển cả không thể đo lường, giống như là quả địa cầu bao la. 2164. Tương tợ như loài bò mộng thuần chủng, Ngài được tôn vinh bởi hội chúng chư thiên. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ, tôi đã đi đến gần bậc Toi Thượng Nhân. 2165. Sau khi lây ra bảy bông hoa đã được che phủ băng tâm vải mịn? tôi đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian. 2166. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 2167. Trước đây hai mươi kiếp, tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương độc nhất với tên là Mahânela, có quyền uy vĩ đại, có oai lực lớn lao. 2168. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kotumbariya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Kotumbariya" là phần thứ ba.

184. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCAHATTHIYA (Pañcahatthiyattherāpadānam) 2169. Đức Thế Tôn tên Tissa, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngxru đã bước đi ở trên đường lộ, được tháp tùng bởi các vị Thinh văn. 2170. Năm bó hoa sen và bốn bó nữa đã được tôi cất giữ. Có ý định dâng vật hiến cúng nhằm thành tựu công đức, tôi đã cam [các bông hoa] lên. 2171. Trong lúc bậc Toàn Giác, đấng Tối Thượng Nhân, bậc có màu da vàng chói, đang đi ở khu phô chợ, được chiêu rọi bởi ánh hào quang của đức Phật, tôi đã cúng dường [bông hoa] đến Ngài.

2 Bandhujīvaka nghĩa là có bông hoa bandhụịívaka." 3 Kotumbariya nghĩa là t4vị liên quan đen tam vải mịn koỊumbara."

THÁNH NHÂN KÝ sự 179

2172. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 2173. Trước đây mười ba kiếp, năm vi được gọi tên là Usabha đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2174. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pañcahatthiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Paflcahatthiya" là phần thứ tư.

185. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ISIMUGGADÃYAKA (Isimuggadāyakattherāpadānam) 2175. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trời có tia sáng màu trắng, tợ như cây kakudhā đang chói sáng. 2176. Tôi đã nghiền các hạt đậu tây ở trong mật viên tinh khiết. Trong khi đứng ở ngay tại tòa lâu đài, tôi đã dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian. 2177. Đã hiện diện tám trăm ngàn vị Thinh văn của đức Phật. Món ấy dầu được tràn đầy bình bát của tất cả các vị, mà vẫn còn nhiều hơn thế nữa. 2178. Do sự tinh tín ấy ở trong tâm, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 2179. Trong bốn mươi ngàn kiếp, ba mươi tám người ấy có [cùng] tên là Isimugga, họ đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2180. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)..tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Isimuggadâyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍÉKý sự về Trưởng lão Isimuggadâyaka^ là phần thứ năm.

186. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BODHI-UPATTHĀKA (Bodhi-upatthākattherāpadanam) 2181. Tôi đã là người sử dụng chiêc trông con ở thành phô Rammavatĩ. Thường xuyên bận rộn với công việc phục vụ, tôi đã đi đên cội Bô-đê tôi thượng. 2182. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã phục vụ sáng chiều, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một ngàn tám trăm kiếp. 2183. Trước đây một ngàn năm trăm kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng tên Murạja, là đang Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao. 2184. Bốn [tuệ] phân tích,. .. (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

4 Pañcahatthiya nghĩa là 4tvị liên quan đến năm (pañca) bó (hatthă) hoa." 5 Isimuggadâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) đậu tây (isừnugga)'

180 KINH TIÊU Bộ

Đại đức Trưởng lão Bodhi-upatthāka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĒÍKý sự về Trưởng lão Bodhi-upatthākaw là phần thứ sáu.

187. KÝ SựVÈ TRƯỞNG LÃO EÌỈACìỉịTĨKA(Ekacintìkattherãpadãnam) 2185. Khi vị thiên nhân mệnh chung từ tập thể chư thiên do sự chấm dứt của tuổi thọ, chư thiên đang tùy hỷ thường thốt lên ba lời nói rằng: 2186. "Này bạn, từ nơi đây bạn hãy đi đến nhàn cảnh có sự cộng trú với loài người. Có bản thể nhân loại, bạn hãy đạt được niềm tin tối thượng vào Chánh pháp. 2187. Mong rằng niềm tin ấy của bạn được tạo lập, được sanh khởi cội rễ, được vững vàng trong Chánh pháp đã khéo được công bố, và không bi dao động cho đến hét cuộc đời/9 2188. "Bạn hãy làm việc thiện bằng thân, nhiều việc thiện bằnệ khẩu. Bạn hãy làm việc thiện bằng y, [là việc] không có khổ đau, không có mâm tái sanh. 2189. Sau đó, hãy làm nhiêu việc phước còn có mâm tái sanh ây băng sự bô thí. Bạn cũng nên hướng dẫn những người bạn khác vào Chánh pháp, vào Phạm hạnh.59 2190. Do lòng thương tưởng này, khi biết vị thiên nhân đang mệnh chung, chư thiên thường nói lời tùy hỷ rằng: "Hãy trở lại thành phố chư thiên lần nữa.” 2191. Khi ấy, lúc hội chúng chư thiên đã hội tụ lại, đã có sự dao động ở tôi rằng: mệnh chung từ nơi này, ta sẽ đi đên sanh chủng nào?" 2192. Sau khi biết được sự dao động của tôi, vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập ấy, với ý muốn tiếp độ tôi, nên đã đi đến gặp tôi. 2193. Vi Thinh văn của [đức Phật] Padumuttara tên là Sumanā. Khi ấy, vi ấy đã chỉ dạy ý nghĩa và giáo pháp, và đã làm cho tôi chấn động. 2194. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ấy, tôi đã làm cho tâm được tinh tín ở đức Phật. Sau khi đảnh lễ bậc trí tuệ ấy, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy. 2195. Được thúc đây bởi nhân tô trong sạch, tôi đã được sanh ra ở chính tại nơi ấy, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 2196. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekacintika7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Ekacintika” là phần thứ bảy.

188. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TIKANNIPUPPHIYA (Tikannipupphiyattherāpadānam) 2197. Trong khi là vị thiên nhân, tôi đã được các tiên nữ trọng vọng. Tôi đã nhớ lại nghiệp quá khứ, tôi đa nhớ đến đức Phật tối thượng.

6 Bodhi-upatthāka nghĩa là "vi phục vụ (upatthāka) cội cây Bồ-đề (bodhi)' 7 Ekacỉntỉka nghĩa là có một lần (ekā) suy nghĩ (cừuika)'

THÁNH NHÂN KÝ sự 181

2198. Sau khi lấy ra bông hoa tikanni, tôi đã làm cho tâm của chính mình được tịnh tín và đã dâng lên đức Phật Vipassī, đấng Nhân Ngưu. 2199. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật ' 2200. Trước đây bảy mươi ba kiếp, bon vị [cùng] tên Ramuttama đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2201. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tikannipupphiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĒÍKý sự về Trưởng lão Tikannipupphiya^ ỉa phần thứ tám.

189. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKACÃRIYA (Ekacāriyattherāpadānam) 2202. Lúc bây giờ, đã xảy âm thanh âm ĩ ở chư thiên cõi trời Đạo-lợi răng: “Bức Phật Niết-bàn ở thế giãn, và chúng ta vẫn còn tham ái.” 2203. Chư thiên ấy đã bị khơi dậy bởi nỗi niềm chấn động, đã bi chiếm hữu bởi mũi tên sầu muộn. Được hỗ trợ bằng năng lực của chính mình, tôi đã đi đen gần bên đức Phật. 2204. Tôi đã câm lây bông hoa mandãrava mem mại đã được hóa hiện ra, tôi đã dâng lên đức Phật vào thời điểm viên tịch Niết-bàn. 2205. Khi ấy, tất cả chư thiên và các tiên nữ đã tùy hỷ với tôi. Tôi đã không bi đọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 2206. Trước đây sáu mươi ngàn kiêp, mười sáu người [cùng] tên Mahāmallajana ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2207. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekacăriya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ekacâriya59 là phần thứ chín.

190. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TIVANTIPUPPHIYA (Tivantipupphiyattherāpadānam) 2208. Bi [phiền não] chế ngự, tất cả các vị ấy đã cùng nhau đi đến gặp tôi và tham thiền. Trong khi các vị ây đang tham thiền, họ đã có sự bực bội khởi lên. 2209. Lúc bấy giờ, vi có tên Sunanda, Thinh văn của đức Phật, bậc Hiền Trí Dhammadassĩ đã đi đến gặp tôi. 2210. Khi ấy, những người nào đã có sự sinh hoạt gắn bó với tôi, những người ấy đã dâng cúng bông hoa đến tôi. Tôi đã cầm lấy bông hoa ấy và đã dâng len vi Thinh văn.

8 Tikannipupphiya nghĩa là 46vị liên quan đến bông hoa (puppha) tikanni.^^ 9 Ekacâriya nghĩa là uvị có một lần (ekā) hành xử (cãrỉyà)y

2211. Tôi đây đã qua đời và cũng đã tái sanh ở tại nơi ấy lần nữa. Tôi đã không đi đến đọa xứ trong một ngàn tám trăm kiếp. 2212. Trước đây một ngàn ba trăm kiếp, tám vi [cùng] tên Dhũmaketu đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2213. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt).. tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tivantipupphiya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Tivantipupphiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Bông hoa kutaja, vị có bông hoa bandhujīva, bông hoa kotumbara, bó bông hoa, hạt đậu tây, cội Bồ-đề, vị có một lần suy nghĩ, vị có bông hoa tikanni, vị có một lần hành xử, bông hoa tivanti; [tổng cộng] có sáu mươi hai câu kệ đã được thuật lại. Phẩm Kutajapupphiya là phẩm thứ mười chín.

10 Tivaụtipupphỉya nghĩa là "vj liên quan đến bông hoa (puppha) tivanti."

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.